



NHO GIÁO

MỘT TRIẾT LÝ CHÍNH TRỊ



NHO GIÁO

MỘT TRIẾT LÝ CHÍNH TRỊ

Table of Contents

Tựa

Chương I: Tính cách chính trị của Nho giáo

1. Nho giáo là một truyền thống tính ngưỡng và triết lý

2. Nho giáo có tính cách chính trị.

Chương II: Vũ trụ theo Nho giáo

1. Vũ trụ

2. Thương Đế

3. Quỷ Thần

4. Người

Chương III: Quốc gia theo Nho giáo

1. Trời đặt ra vua để làm lợi cho dân

2. Vua có ba cách nhận quyền

3. Trách nhiệm của vua

4. Tư cách của vua

5. Bồn phận của vua

6. Bồn phận của đại phu và kẻ sĩ

Chương IV: Xã hội theo Nho giáo

1. Nguyên lý bất bình đẳng

2. Trật tự trong xã hội

3. Xã hội của Nho giáo

4. Bình đẳng về pháp luật

5. Gia tộc

Chương V: Chính trị

1. Trọng lễ nghĩa hơn pháp luật

2. Thuyết chính danh

3. Ghét chính đảng

4. Ghét bàn về lợi

5. Xét nhiệm vụ, không xét quyền lợi

6. Ghét chiến tranh, khinh võ lực

7. Để quốc theo Nho giáo

8. Thuyết Đại đồng

9. Trọng người hơn trọng chế độ

10. Vương đạo, bá đạo

Chương VI: Chính sách xã hội

1. Phú rồi mới giáo

2. Chính sách xã hội rất sớm

3. Chính sách xã hội của Mạnh Tử

4. Phép tình điền

Chương VII: Chính sách giáo hoá

1. Nho giáo rất trọng sự học

2. Tổ chức học hiệu

3. Khoa học, nghệ thuật đều có tính cách đạo đức

[4. Học là để hành](#)

[5. Hai hạng người](#)

[6. Hai lời dạy.](#)

Kết

[1]

[2]

[3]

[4]

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>

Tặng làng tôi,
làng **Phương Khê**,
nơi đó tôi đã được nghe vang lên
những lời ngâm nga đạo giáo Không, Mạnh.

人道政爲大
Nhân đạo chính vi đại
(Lễ Ký – Ai Công vấn)

TỰA

Từ trước tới nay, ở nước ta những sách viết về đạo Nho thường chỉ chú trọng đến phương diện đạo đức. Theo tôi, Nho giáo là một triết lý chính trị trước hết, và trong cuốn này tôi dừng về phương diện chính trị để tổng hợp triết lý ấy. Tôi không phân tích – công việc này cụ Trần Trọng Kim làm rất chu đáo – tôi chỉ ghi những nét chính để độc giả thấy cái nhất quán của đạo Nho, và tôi hết sức tránh sự phê bình chủ quan. Muốn dân chúng, tôi phải trích và dịch nhiều câu trong tứ thư, ngũ kinh. Lời dịch của tôi ngược hẳn với lời của cụ Nguyễn Hữu Tiến trong **Mạnh Tử quốc văn giải thích**. Cụ dịch cốt cho gọn và giữ được phân nào giọng cô kính, hầu mong bản dịch của cụ, có thể dùng cho trẻ em học thuộc lòng; còn tôi chỉ cần dịch được cho rõ ràng và xuôi như lời nói hằng ngày, dù có dài giòng cũng không ngại. Để cho công việc ăn uống được tiện, tôi gom tất cả lại ở cuối sách, phân chữ Hán và phân phiên âm của những câu quan trọng đã trích dân[1]. Đó là mục đích và cách làm việc của tôi.

Khi soạn sách, ngoài lý do giúp Độc giả hiểu thêm Nho giáo, tôi còn mong trả một món nợ tình thân. Tôi sống vào một thời mà đạo Nho còn được giảng dạy trong những nơi hẻo lánh ở Bắc Việt và làng tôi là một trong những nơi đó. Mỗi khi ở Hà Nội về quê, hệ bước chân qua cổng xóm, nghe tiếng ẽ a bộ **Luận ngữ** hay **Mạnh tử** là tâm hồn tôi nhẹ hẳn đi. Mỗi năm hai tháng sống sau lũy tre xanh, tôi phải mục kích hằng ngày những chuyện tranh giành nhau, vì những nguyên nhân có khi rất nhỏ mọn, nhưng nhờ gia phong và chút ít hán học tôi đã sớm tập được tánh thanh bạch mà không bị thói đời tiêm nhiễm. Cái ơn giáo hoá của đạo Nho đó, lớn lên tôi càng thấy nó sâu xa:

gia đình tôi, mấy đời an bản lạc đạo được là nhờ nó. Nghĩ vậy, nên trên hai chục năm trước, gặp lúc rảnh, tôi đọc tứ thư và ngũ kinh để tìm hiểu Không giáo. Mỗi lần có cảm tưởng gì, tôi thường thưa với một ông bác tôi; người chỉ mỉm cười bảo: “Đợi năm chục tuổi, cháu hãy phê bình cũng chưa muộn”. Lúc đó tôi hơi mắc cỡ, và tự hẹn năm chục tuổi sẽ tìm hiểu lại đạo Nho. Nay món nợ đã trả, nhưng tôi tự hỏi không biết còn quá sớm chăng?

Sài Gòn ngày 15 tháng 6 năm 1957

CHƯƠNG I

TÍNH CÁCH CHÍNH TRỊ CỦA NHO GIÁO

1. Nho giáo là một truyền thống tinh ngưỡng và triết lý của Trung Quốc mà Khổng Tử có công hợp lý hoá.
2. Nho giáo có tính cách chính trị.

1.

Trước Khổng Tử đã có đạo Nho, cũng như trước Thích Ca đã có đạo Bà La Môn, trước Giê Du đã có đạo Do Thái.

Đại loại, đạo Nho hồi nguyên thủy gồm những điểm chính dưới đây:

- Vũ trụ mới đầu là một cuộc mờ mịt chứa một cái “lý” linh diệu gọi là Thái cực, Thái cực biến hoá ra thành âm và dương, rồi âm dương biến hoá mãi ra thành vạn vật.
- Ở trên có Trời rồi tới quỷ thần, dưới quỷ thần là người. Trời như một ông vua coi mọi việc ở trần gian, cho nên mới gọi là Đế, là Thượng Đế,
- Người được bẩm thụ tính của Trời cho nên thiên đạo và nhân sự quan hệ mật thiết với nhau; mà việc gì hợp với thiên lý là phải; trái với thiên lý là sai. Thiên lý là lẽ phải, cho nên ý của dân hợp với lẽ phải tức thì là ý Trời.
- Người phải thờ phụng Trời và cúng quỷ thần, nhưng chỉ có Thiên tử - người thay Trời trị dân – mới được tế Trời, còn chư hầu thì tế thần bốn phương và thường dân thì tế tổ tiên trong nhà.
- Xã hội là xã hội phong kiến rất có trật tự, ở trên có nguyên hậu – sau gọi là Thiên tử - rồi tới các chư hầu, dưới nữa là các đại phu, kẻ sĩ và thường dân. Chính trong giai cấp đại phu và sĩ đó xuất hiện bọn nho: họ đều giỏi văn chương và lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngự, thư, số), làm cố vấn cho giai cấp trên tức Thiên tử và vua chư hầu. Tư tưởng của họ có tính cách rất thực tế - vì họ là quan liêu – gom lại thành một học thuyết mà Khổng Tử có công sắp đặt, hợp lý hoá, phát huy trong những lời giáo huấn cùng sách của ông.

Những sách này gồm sáu bộ: Dịch, Thư, Thi, Lễ, Nhạc, Xuân Thu[2], thì năm bộ trên đều là công trình sưu tầm và chú thích: Kinh Dịch do Văn vương đời Chu diễn ra khi bị giam ở ngục, sau Chu công cắt nghĩa văn tắt, rồi Khổng Tử lấy những sự thiết thực mà giải thích thêm cho rõ ràng; Kinh Thư chép những điển, mô, huấn, cáo, thê, mệnh, tức những tài liệu chính trị và sử đời Nghiêu, Thuần đến đời Đông Chu, không thêm bớt chút gì; Kinh Thi là một tập sưu tầm tuyển lựa những bài ca, bài dao từ thời thượng cổ đến đời Bình Chương nhà Chu; Kinh Lễ và Nhạc chép lễ nghi và nhạc của các đời trước.

Chỉ riêng Kinh Xuân Thu có thể coi là một công trình sáng tác của Khổng Tử; nhưng thực ra phần sáng tác rất ít, vì Kinh đó là một bộ sử biên niên, giá trị về tư tưởng chỉ ở chỗ ngầm chứa một chủ trương về chính trị, tức chủ trương chính danh, định phận.

Vậy lời của Không Tử: “*Ta thuật đạo cổ nhân mà không sáng tác gì mới*” (a)[3] *Luận ngữ - (Thuật nhi)*[4] không phải chỉ là một lời nói nhữn; mà Herlee Glessner trong đoạn dưới đây đã định được đúng địa vị của Không Tử trong Nho giáo:

“*Không Tử chỉ là người cuối cùng và tài giỏi nhất trong số các nhà đạo (tức các nho gia đời Chu). Một phần do ông xuất hiện vào cuối thời kỳ thứ nhất của truyền thống Nho giáo và do ông tóm tắt truyền thống đó nên ông thành một đại biểu danh tiếng của Nho giáo. (...) Hầu hết những điểm trong triết lý Không Tử đều do phái nho gia sinh trước ông để lại*”[5].

Tóm lại, Không Tử đã tập kỳ đại thành đạo của người trước. Đó là một điều ai cũng công nhận và ta phải luôn luôn nhớ khi tìm hiểu Nho Giáo. Nếu quên rằng Nho giáo là một truyền thống tín ngưỡng và triết lý của một dân tộc mà cứ tưởng nó hoàn toàn là tư tưởng của một nhà sáng lập, thì ta sẽ không nhận được tại sao nó không có tính cách tôn giáo mà lại ảnh hưởng rất mạnh, không kém một tôn giáo, tới hàng chục, hàng trăm triệu người trong mấy ngàn năm như vậy được.

2.

Điều thứ nhì tôi muốn đặc biệt nhấn mạnh là tính cách chính trị của Nho giáo. Nhiều học giả, xét về Nho giáo, coi những tư tưởng chính trị trong đạo ấy là kết quả của những tư tưởng triết lý và đạo đức[6]. Tôi không bảo rằng kiến giải đó sai, vì chính trị Nho giáo quả thật đặt cơ sở trên đạo đức; nhưng tôi nghĩ đạo đức Nho giáo có mục đích chính trị và Nho giáo dùng chính trị để gây đạo đức, cho nên phải đặt vấn đề ngược lại, coi phần chính trị là phần quan trọng nhất trong đạo Nho, và những quan niệm về giáo hoá, về học vấn, về cách thao thủ[7]... là kết quả của những tư tưởng chính trị, thì mới thấu cái thâm ý của đạo Nho, mới thấy được cái chân tướng của nó.

Trong cuốn này tôi đặt lại vấn đề như vậy để tìm hiểu đạo Nho. Trước hết tôi xin chứng minh tính cách chính trị của Nho giáo đã.

Trong đoạn trên tôi đã nói những nho gia đầu tiên xuất hiện trong giai cấp quan lại (nhất là trong giới sử quan), thông văn chương và lục nghệ, cho nên tư tưởng của họ rất thực tế, nhằm mục đích an dân tế thế, tức mục đích chính trị.

Xét ngũ kinh của Không Tử thì trừ Kinh Thi ra, kinh nào cũng có mục đích chánh là dạy về chính trị; mà ngay trong Kinh Thi, ý tưởng chính trị cũng tiềm tàng, có khi lộ liễu (*Đại Nhã*, *Tiểu Nhã*). Xét tứ thư, thì Đại học là sách dạy “sửa mình để bình thiên hạ”, còn ba bốn cuốn kia bàn về chính trị cũng nhiều. Chẳng riêng gì Nho giáo, đến Lão giáo, Mặc giáo... cũng có tính cách chính trị. Đó là một ảnh hưởng của hoàn cảnh: thời Xuân Thu và Chiến quốc là thời loạn, nên triết gia nào cũng muốn cứu loạn mà cứu loạn thì chính trị là gấp nhất, dù chính trị xây dựng trên quan niệm đạo đức hay trên quan niệm nào khác.

Những ông thánh của Nho giáo không phải là những nhân vật lý tưởng – có khi thần bí – xuất thế hoặc nhận nhục hy sinh cho nhân loại, mà đều là những vị xử thế, và làm chính trị, tức như vua Nghiêu, vua Thuấn, vua Văn, vua Vũ, Chu công, Không Tử, Mạnh Tử.

Quan niệm về Trời và người của Nho giáo cũng rất đặc biệt. Người Trung Hoa cho Trời là ông vua của vũ trụ, nên gọi Trời là Đế, là Thượng Đế, như trên tôi đã nói, và cho loài người là con của Trời. Quan niệm đó hiện rất minh bạch trong câu: “*Đức Thượng Đế rất lớn, soi xuống rất rõ ràng; xem xét bốn phương để tìm nỗi khốn khổ của dân mà cứu giúp*” (b)[8] (*Thị*). Độc giả nhận thấy câu đó dùng chữ *dân*, chứ không dùng chữ *nhân* là người. Trong ngũ kinh, rất ít khi ta gặp chữ *nhân* mà thường thấy chữ *dân*: “*Trời sinh dân đó*”, “*Trời yêu dân lắm*”, “*Cái đạo của đại học ở chỗ làm sáng thân yêu dân*”, “*hồi xưa dân có ba tật*”. Sách *Tả truyện* cũng viết: “*Trời sinh **dân** mà đặt ra vua để làm lợi cho **dân***” (*Văn công năm 13*), “*Trời sinh **dân** mà đặt ra vua, sai các quan chăn nuôi **dân***” (*Tương công năm 14*). Cơ hồ quan niệm: Trời là vua, người là dân, cũng làm một quan niệm truyền thống, đặc biệt của dân tộc Trung Hoa.

Đạo đức, theo Nho giáo, có mục đích chính trị, tức như ý trong những câu “*Hiếu là để thờ vua*” (c)[9] (*Đại học*), “*Đạo người thì chính trị là lớn*” (d)[10] (*Lễ ký – Ai công vấn*), nhất là trong đoạn đầu *Đại học*:

“*Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước phải trị nước mình; muốn trị nước mình*

thì trước phải tề nhà mình; muốn tề nhà mình thì trước phải sửa thân mình”. (e)[11]

Nghĩa là tu thân để tề gia, rồi trị quốc và bình thiên hạ. rút cục là để làm chính trị. Vì có quan niệm đó, cho nên các nhà Nho đều cầu được làm chính trị: Không Tử bốn ba non hai chục năm, chu du các nước tìm một ông vua biết dùng mình để hành đạo, gần bảy chục tuổi mới thất vọng, về Lộ soạn sách và dạy học; còn Mạnh Tử cũng đi khắp Tề, Lương, Tống, Đằng, đem tài hùng biện thuyết phục các vua, không được dùng mới về nhà, cùng với học trò trước tác.

Năm điều vừa kể đủ để chứng rằng Nho giáo là một triết lý chính trị trước hết. Trong những chương sau, tôi xin lần lượt xét quan niệm về:

- Vũ trụ.
- Quân chủ,
- Xã hội,
- Chính trị

của Nho giáo trong thời kỳ mà học thuyết chưa bị sai lạc đi nhiều, nghĩa là từ Tuân Tử trở về trước.

CHƯƠNG II

VŨ TRỤ THEO NHO GIÁO

THƯỢNG ĐẾ, THẦN và NGƯỜI

1. Vũ trụ
2. Thượng Đế
3. Quỷ Thần
4. Người.

1.

Người Trung Hoa ít bàn về sự sáng tạo thế giới.

Quan niệm rất đơn giản về vũ trụ mà ở đầu chương trên tôi đã chép, tức quan niệm lý Thái cực biến hoá ra âm dương, âm dương biến hoá ra vạn vật, tới thời Không Tử vẫn không được phát huy thêm chút gì. Chẳng những vậy, Không Tử còn có ý cho rằng bản thể của lý Thái cực huyền vi quá, ở ngoài phạm vi trí thức của người thường, nên ông không xét tới mà chỉ chú trọng tới động thể của nó, tức luật biến hoá của trời đất, tức luật Dịch. Ông thấy đạo Dịch chi phối vạn vật, phù hợp với sự thực: “*Dịch là không xa sự thực, mà đạo Dịch là biến đổi luôn luôn, không nhất định chỗ nào, lưu truyền khắp cả vũ trụ*” (Dịch – Hệ từ hạ) (a)[12]. Ông lại nói: “*Một mở, một đóng, gọi là biến, qua lại không ngừng gọi là thông*” (Dịch – Hệ từ thượng)[13] (b)[14].

Bỏ cái bản thể mà nghiên cứu cái động thể của lý Thái cực là một quan niệm rất thực tiễn – có thể nói là hợp lý nữa – và là khởi điểm cho thuyết tuy thời của đạo Nho.

2.

Ở trong vũ trụ, giữ ngôi cao hơn cả là Thượng Đế. Loài người có hai quan niệm về Thượng Đế: quan

niệm thứ nhất là Thượng Đế sáng tạo ra thế giới, quan niệm thứ nhì là Thượng Đế thống trị thế giới. Do Thái giáo theo quan niệm trên, Nho giáo theo quan niệm dưới, cho Thượng Đế là một ông vua mưu hạnh phúc cho dân.

Nhưng Thượng Đế của Nho giao xạ cách dân hơn Thượng Đế của Do Thái giáo. Trước hết, ở Trung Quốc, những phép tắc đều do các hiền triết đặt ra, chứ không cho Thượng Đế ban, như mệnh lệnh của đạo Do Thái là của Thượng Đế truyền cho Moise ở trên núi Sinai. Sau nữa, tuy Thượng Đế làm chủ tể muôn dân, mà chỉ có Thiên tử được tể Thượng Đế, còn thường dân chỉ được thờ tổ tiên trong nhà. Lễ đó có từ đời Chu. Mỗi năm, ngày đông chí, Thiên tử làm lễ tế trời ở trên một đàn tể hình tròn, và ngày hạ chí làm lễ tế đất ở trên một đàn tể hình vuông. Sách *Lễ ký thiên Khúc lễ* hạ chép: “*Thiên tử tế trời đất, tế bốn phương, tế núi sông, tế ngũ tự tức thân của, ngũ, giếng, bếp và ở giữa nhà; chư hầu tế núi sông phương mình ở, tế ngũ tự; quan đại phu tế ngũ tự, kẻ sĩ tế tổ tiên*”. (c)[15].

Sự quy định nghi thức tể Thượng Đế như vậy là một đặc điểm của đạo Nho mà kết quả rất quan trọng. Nếu cho dân được lễ bái Thượng Đế thì đạo Nho có lẽ đã thành một tôn giáo như đạo Do Thái, đạo Hồi Hối, mà quân chủ của Trung Quốc cũng thành tăng quan tối cao rồi. Nhờ thái độ “kính nhi viễn chi” đối với Thượng Đế mà hệ thống chính trị Trung Quốc giữ được tính cách đạo đức thuần túy và phi tôn giáo.

3.

Ở dưới Thượng Đế là các vị thần, tức thần bốn phương, thần núi, sông, thần ngũ tự nói trong *Lễ ký*. Địa vị của những thần đó rất kỳ dị. Trong các bài văn tế, ta thấy Thiên tử đối với Thượng Đế tự xưng là thần (bầy tôi) mà đối với quỷ thần tự xưng là trẫm[16], nghĩa là cho quỷ thần ngang hàng với mình hoặc dưới mình.

Chẳng những kém vua, hạng quỷ thần đó cơ hồ còn kém cả thường dân nữa.

Tả truyện chép lời của Quý Lương nước Tuy: “*Nhân dân là chủ của thần, cho nên Thành hội xưa lập dân trước hết, rồi sau mới nhờ đến sức của thần*” (Hoàn công lục niên) và lời của Sử Ngân nước Quắc: “*Thần thông minh chính trực mà chuyên nhất thì dựa vào người mà hành động*” (Trang công tam thập nhị niên).

Những quỷ thần ấy, chỉ Thiên tử, vua chư hầu và các đại phu mới được tế, còn thường dân cũng chỉ được phép “kính chi viễn chi”, cho nên Khổng Tử không giảng về quỷ thần với môn đệ (*Luận ngữ - Thuật nhi*), và trả lời một người hỏi về phép thờ quỷ thần, ông đáp: “*Chưa thờ được người, thờ thế nào được với quỷ thần?*” (*Luận ngữ - Tiên tiến*). (d)[17]

Dân thường chỉ có quyền được thờ tổ tiên, mà sự thờ phụng tổ tiên là bổn phận của mọi người, từ Thiên tử trở xuống. Mỗi năm, Thiên tử tế Thượng Đế thì đồng thời cũng tế tổ tiên. *Lễ ký* chép: “*Bực vương giả tế Thượng Đế (...) và đem tổ tiên của mình cúng chung vào*”. *Trung Dung* cũng có câu: “*Thờ khi chết như thờ khi sống, thờ khi mất như thờ khi còn, đó là chí hiếu vậy*” (e)[18] (*Chượng 19*). Ta có thể nói, đối với người theo đạo Nho, sự tế lễ tổ tiên quan trọng hơn hết thấy những tế lễ khác.

Nho giáo tin rằng tổ tiên phù hộ được con cháu, tức tin linh hồn bất diệt, cho nên nói: “*Ba vua ở trên trời*” (f)[19]. Ba vua đó là ba ông tổ nhà Chu: Vượng Quý, Văn Vương và Vũ Vương; lại nói: “*Vua Văn Vương lên xuống ở bên tả bên hữu Thượng Đế*” (g)[20]

Nhưng Khổng Tử không muốn bàn về những vấn đề thần bí đó, chỉ khuyên người ta vụ thực tế ở đời. Có lần học trò của ông là Tử Công hỏi ông: “*Chết rồi có biết gì nữa không?*”, ông đáp: “*Người ta nói chết rồi mà còn biết thì sợ con cháu hiếu thảo sẽ liệu chết để theo ông cha; nếu nói chết rồi là hết, thì sợ con cháu bất hiếu sẽ không chôn cha mẹ. Chết rồi, còn biết hay không biết, không phải là điều cần kíp, đợi sau rồi sẽ rõ*”. (*Khổng Tử gia ngữ - Trí tư*). Trong *Lễ ký Đàn cung thượng*, ông lại nói: “*Cho người chết là mất hẳn, không biết gì nữa là bất nhân, không nên theo. Cho người chết là còn biết như lúc hãy còn sống, là bất trí, không nên theo*” (h)[21]. Ở đó ta lại nhận thấy ông muốn bỏ bớt những tín ngưỡng đi để hướng đạo Nho đến chỗ thuần lý.

Ông không bảo người ta đừng cầu nguyện, nhưng ông có ý khuyên rằng cách cầu nguyện quỷ thần có hiệu quả nhất là ăn ở cho phải đạo làm người. Khi ông đau nặng, học trò của ông là Tử Lộ muốn xin

cầu nguyện quỷ thần để ông mau khỏi, ông đáp: “*Ta cầu nguyện đã lâu rồi*”[22] (i)[23] (*Luận ngữ - Thuật nhi*). Theo tôi, câu đó nghĩa là suốt đời ông theo lẽ phải, như vậy là cầu nguyện rồi và nghĩa đó phù hợp với nghĩa câu: “*Phải tội với Trời thì không cầu nguyện vào đâu được*” (j)[24] (*Luật ngữ - Bát dật*).

Tuy nhiên, ta không thể căn cứ vào đó mà bảo ông không tin có quỷ thần. Ông tin, nên mới rất thành kính trong việc tế lễ, song hình như ông cho rằng vấn đề thần bí đó không thể dùng trí óc để hiểu được, tốt hơn là đừng bàn tới.

4.

Nho giáo cho rằng người là con cưng của Trời. Sách *Thượng Thư*, thiên *Thái thệ* chép: “*Chỉ có trời đất là cha mẹ của vạn vật, trong vạn vật người là linh hơn cả*”. Loài người bao giờ cũng tự tôn như vậy, chẳng riêng gì dân tộc Trung Hoa; chỗ đặt biệt của Nho giáo là ba quan niệm dưới đây về người:

- *Loài người sinh ra là để làm dân*. Tuy linh hơn cả vạn vật, nhưng “*loài người có lòng dục, không có chủ thì loạn*”, cho nên phải có người cai trị, phải có quốc gia, và người thường nào cũng phải là công dân; vì vậy, như tôi đã nói, trong tứ thứ, ngũ kinh, chữ *dân* 民 thường dùng thay cho chữ *nhân* 人.

- *Trời và người quan hệ với nhau rất mật thiết*. Về điểm này, Trần Trọng Kim xét rất đúng. Ông viết:

“*Từ đời Thương cổ, người Tàu có cái tư tưởng cho người ta sinh ra, ai ai cũng bẩm thụ cái tính của Trời. Cái tính ấy tức là một phần thiên lý. Vậy trời với người quan hệ rất mật thiết lắm. Bởi thế mới lấy phép tắc tự nhiên của trời làm mô phạm của người và cho thiên luân là nhân luân, thiên đạo là nhân đạo. Kinh Thi nói rằng: “Thiên sinh chúng dân, hữu vật hữu tắc, dân chi bình di, hiếu thị ý đức” “Trời sinh ra dân, có hình phép, dân giữ tính thường, muốn có đức tốt”*”[25].

- *Ý trời và lòng người là một*. Do quan niệm người nào cũng bẩm thụ một phần thiên lý, mà có quan niệm thiên ý dân tâm là một. *Thượng thư – Ca Dao mô* – nói: “*Trời nhìn tự dân ta nhìn, trời nghe tự dân ta nghe*” (k)[26]; *Đại vũ mô* cũng nói: “*Sự sáng suốt của trời hiện ra ở sự sáng suốt của dân*” (l)[27]. Vì ý dân khi sáng suốt, tức thì là ý trời, cho nên mới có câu: “*Dân muốn cái gì, Trời cũng theo*” (m)[28]. (*Thượng thư – Thái thệ thượng*).

Do đó, vua phải bỏ cái lợi của mình mà theo cái lợi của dân. *Tả truyện (Văn công thập tam niên)* chép vua Văn công nước Chu bói việc di cư sang đất Dịch, được một quẻ lợi cho dân, nhưng bất lợi cho tính mạng ông mà ông cũng nhất định di cư. Các quan can, ông đáp: “*Lợi cho dân là lợi cho ta. Trời sinh dân rồi lập ra vua để làm lợi cho dân (...) Mạng vua ở chỗ nuôi dân, còn việc thọ yếu là thời vận. Nếu di cư mà có lợi cho dân thì không có gì tốt bằng nữa*”.

Quan niệm đó là một trong những quan niệm chủ yếu của Nho giáo, hạn chế quyền của quân chủ và quyết định một phần lớn chính sách chính trị Nho giáo như sau này ta sẽ biết.

CHƯƠNG III

QUỐC GIA THEO NHO GIÁO

1. *Trời đặt ra Vua để làm lợi cho dân*
2. *Vua có ba cách nhận quyền:*
 - *nhận quyền do vua trước nhường lại,*
 - *nhận quyền của cha truyền lại,*

- nhận quyền do cách mạng.
- 3. Trách nhiệm của vua
- 4. Tư cách của vua
- 5. Bốn phận của vua
- 6. Bốn phận của đại phu và kẻ sĩ

1.

Trời coi dân là con cưng thì tất cần hạnh phúc cho dân, muốn vậy phải nuôi dân, bảo hộ dân và giữ trật tự cho dân khỏi loạn.

Về việc nuôi dân, Trời có thể tự đảm đương: tạo ra các loài vật, cây cỏ để dân dùng mà thoả mãn nhu cầu, điều hoà mưa gió, khí hậu cho dân...; còn về việc bảo hộ, giữ trật tự cho dân, Trời không thể làm lầy, phải giáng sinh quân chủ để thay Trời giúp dân. Trong kinh *Thư*, ta thấy nhiều câu diễn ý đó:

- “Trời sai người thay mình” (a)[29] (*Ca dao mô*)
- “Trời giúp dân, đặt ra vua, đặt ra thần để giúp Trời mà yêu mến bốn phương” (b)[30] (*Thái thế*).

Vậy vua là đại biểu của Thượng Đế ở trên đất, làm trung gian giữa Thượng Đế và nhân dân. Người Trung Hoa gọi là Thiên tử, tức có nghĩa đó chứ không có nghĩa vua là con của Trời về phương diện nhục thể.

2.

Nhưng Trời lựa người và trao quyền ra sao? Nói cách khác, ông vua nhận quyền trị dân bằng cách nào? Theo Nho giáo có ba cách chính đáng:

- nhận quyền do vua trước nhường lại.
- nhận quyền của cha truyền lại,
- nhận quyền do cách mạng.

Mạnh Tử đã giải thích rõ ràng ba cách đó trong thiên *Vạn Chương*. Học trò của ông là Vạn Chương hỏi:

- “Vua Nghiêu lấy thiên hạ cho vua Thuấn, việc ấy có không?”

Ông đáp:

- Không. Thiên tử không thể lấy thiên hạ cho người khác được.
- Vậy vua Thuấn được thiên hạ là do ai cho?
- Do Trời cho.
- Trời cho, nghĩa là bảo rõ ràng ra hay sao?”

Câu đó rất quan trọng, có ý hỏi Thượng Đế của Nho giáo, có trực tiếp ra mệnh lệnh như Thượng Đế của Do Thái giáo không, Nho giáo có phải là một tôn giáo hay không.

Mạnh Tử đáp:

- “Không, Trời không nói, lấy hành vi và sự nghiệp mà tỏ ra thôi. (c)[31]

Vạn Chương lại hỏi:

- Lấy hành vi và sự nghiệp mà tỏ ra là làm sao?
- Thiên tử có thể tiến cử một người nào với Trời, không thể buộc Trời đem thiên hạ cho người đó được, cũng như chư hầu tiến cử một người nào với Thiên tử mà không thể buộc Thiên tử cho người đó làm vua chư hầu được, cũng như đại phu có thể tiến cử một người nào với vua chư hầu mà không thể buộc vua chư hầu cho người đó làm đại phu được.

Xưa vua Nghiêu tiến cử ông Thuấn với Trời mà Trời nhận, giới thiệu với dân mà dân nhận, cho nên tôi bảo: Trời không nói, chỉ lấy hành vi cùng sự nghiệp mà tỏ ra thôi.

Vạn Chương lại hỏi:

- Tiến cử với Trời mà Trời nhận, giới thiệu với dân mà dân nhận là làm sao?

Đáp:

- Sai người đó làm chủ tế mà bách thần hưởng, thế là Trời nhận; sai người đó chủ trương công việc mà việc thành, trăm họ vừa ý, thế là dân nhận. Ông Thuần giúp vua Nghiêu hai mươi tám năm (...), khi vua Nghiêu băng, đoạn tang ba năm, ông Thuần lánh con vua Nghiêu mà ra ở ở nam Nam Hà, thiên hạ chực hầu không theo con vua Nghiêu mà theo ông Thuần (...) cho nên mới gọi là Trời cho (...) Còn nếu như xâm chiếm cung vua Nghiêu, bức ép con vua Nghiêu thì gọi là cướp ngôi, chứ không gọi là Trời cho được”.

Việc nhường ngôi đó có đúng sự thực không, đó là một vấn đề khác; đây tôi chỉ xét quan niệm nhường ngôi của Nho giáo thôi. Quan niệm đó rất rõ rệt: Thiên tử không thể lấy ngôi báu làm của riêng, không thể nói như vua Louis thập tứ: “Quốc gia là ta”, và khi nhường ngôi cho ai thì phải trọng ý chí của dân, mà ý chí của dân tức ý chí của Trời.

Muốn được trao ngôi Thiên tử theo cách đó, cần bốn điều kiện:

- có tài đức, như vua Thuần nổi tiếng là có hiếu, vua Vũ có công trị thủy trong chín năm.

- có kinh nghiệm: trước khi được làm Thiên tử, ông Vũ đã làm tể tướng 17 năm, ông Thuần làm tể tướng 28 năm.

- được chư hầu và nhân dân ngưỡng mộ, như ông Thuần và ông Vũ.

Ba điều kiện ấy đều hợp lý nhưng chưa đủ, và người ta còn có thể hỏi rằng tại sao một người như Khổng Tử có những điều kiện ấy mà không được Trời trao ngôi Thiên tử. Đáp câu ấy, Mạnh Tử thêm điều kiện thứ tư:

- được Thiên tử tiến cử với Trời.

Vậy sở dĩ Khổng Tử không được ngôi vua, là vì không có Thiên tử nào tiến cử ông.

Đó là cách thứ nhất, cách nhận ngôi do vua trước nhường lại cho.

*

Cách thứ nhì là nhận ngôi do cha truyền lại. Cách này có vẻ như không hợp lý, Mạnh Tử phải giải thích:

Vạn Chương hỏi ông:

- Có người nói rằng tới vua Vũ thì đức suy, cho nên vua Vũ không truyền ngôi cho người hiền nữa mà truyền cho con, điều đó có không?

Mạnh Tử đáp:

- Không. Không phải vậy. Trời trao ngôi cho người hiền thì ngôi về người hiền, trao cho con thì ngôi về con.

Đại ý Mạnh Tử giảng rằng vua Vũ có tiến cử một đại thần là ông Ích với Trời, nhưng ông Vũ băng rồi, dân không theo ông Ích mà theo con ông Vũ, là ông Khải, nên ngôi vua mới về ông Khải, mà sở dĩ vậy là vì hai lẽ:

- ông Ích mới làm tể tướng cho ông Vũ được ít năm (7 năm), thi ân cho dân chưa được lâu, dân chưa tín nhiệm.

- ông Khải nổi tiếng là hiền, kế thừa được đạo cha.

Vậy, Thiên tử muốn tự ý nhường ngôi cho con đã không được mà muốn nhường ngôi cho người ngoài cũng không được nữa. Muốn nhường phải thuận ý dân, thuận ý Trời. Cho nên Khổng Tử nói: “Các đời Đường, Ngu thì truyền ngôi, các đời Hạ Hậu, Ân, Chu thì nối ngôi, ý nghĩa như nhau” (đ)[\[32\]](#) (Mạnh Tử - Vạn Chương).

*

Cách thứ ba là do cách mạng mà nhận ngôi, như vua Thang giết vua Kiệt, vua Vũ diệt vua Trụ, hai ông đó thay Trời trừ bạo chúa nên được làm Thiên tử. Cách này vẫn là hợp lý nếu đủ ba điều kiện như sau:

- Phải theo ý dân. Dân phải tỏ lòng oán chính sách tàn ngược của bạo chúa và mong mỗi người giải

phóng; như khi vua Thang thảo phạt vua Kiệt, thì nhân dân đầu đầu cũng ta thán: “*Vua (tức vua Kiệt) không thương chúng ta, bỏ việc ruộng nương của chúng ta mà chính trị thì bạo ngược*” (Thư – Thang Thệ). Về việc vua Vũ diệt vua Trụ, Thư – Thái Thệ cũng chép: “*Vua Trụ tự tuyệt với Trời mà kết oán với dân*”.

Vua tuy là thay Trời, nhưng khi đã không làm tròn nhiệm vụ, lại tàn bạo, thì không phải là vua nữa, mà là một tội nhân, cho nên Mạnh Tử nói: “*Nghe nói giết một kẻ tên là Trụ, chứ chưa nói giết vua*” (e)[33] (Luơng Huệ Vương).

- Phải theo mệnh Trời, nghĩa là phải tin rằng việc mình làm là thuận ý Trời, như khi vua Thang giết Kiệt, có nói: “*Đạo Trời giáng tại ương cho Kiệt để tỏ rõ tội của hắn (...) ta theo mệnh Trời mà tỏ rõ uy của Trời, nên không dám tha hắn*” (Thư – Thang cáo). Vũ Vương khi giết Trụ cũng nói: “*Trời nổi giận, sai ta xét tội của Trụ, ta phải kính sợ mệnh lệnh và uy của Trời*” (Thư – Thái Thệ); lại nói: “*Tội Trụ đã đầy, mệnh Trời là giết hắn đi, nếu ta không thuận ý Trời thì tội cũng như hắn*” (Thư – Thái Thệ). Mệnh Trời đó hiện trong ý dân và trong những tai ương Trời giáng cho quốc gia nào có bạo quân, như núi đổ, sông lụt, sấm to, bão lớn...

- Phải là người có đức, được dân tín nhiệm, như vua Thang trước khi khởi quân diệt vua Kiệt đã nổi danh là người khoan đại, nhân nghĩa; vua Vũ trước khi giết vua Trụ cũng được tiếng là người hiền.

Có đủ ba điều kiện ấy mà giết vua thì là *cách mạng* (nghĩa cũ là đổi mệnh vua) và được lên ngôi thay.

*

Ba cách đó tuy hợp lẽ, nhưng cách thứ ba bị nhà Nho chê là thấp hơn cách thứ nhất. Khổng Tử so sánh nhạc Vũ với nhạc Thiệu của vua Thuần, có câu: “*Nhạc Thiệu tận mỹ, tận thiện, nhạc Vũ tận mỹ mà chưa tận thiện*” (f)[34] (Luận ngữ - Bát dật) là có ý cho rằng đức độ và chính sách của vua Thuần (người được nhường ngôi) cao hơn đức độ và chính sách của vua Vũ (người diệt Trụ mà lên ngôi). Theo ông, đức độ và chính sách của nhà cầm quyền ra sao thì hiện rõ ràng trong nhạc như vậy.

3.

Thiên tử thay Thượng Đế mà cai trị, giáo hoá nhân dân thì tất phải chịu hết trách nhiệm với Thượng Đế, dân dù phạm tội cũng không có lỗi; lỗi hoàn toàn thuộc về Thiên tử. Đó là ý nghĩa trong đoạn: “*Nước mà loạn là tội của Trẫm, riêng Trẫm chịu phạt*” (g)[35] (Thượng Thư – Bàn Canh) và trong câu: “*Vạn dân có tội là tại một mình ta, cho nên một mình ta chịu tội, không lụy gì đến vạn dân cả*” (h)[36] (Thượng Thư – Thang cáo).

Nho giáo còn tiến lên một bậc, cho rằng Thiên tử làm tròn trách nhiệm thì cũng không có công gì cả. Thượng Thư – Bàn Canh nói: “*Nước mà bình trị là công của dân*” (i)[37]. Người dân trong Nho giáo quả thực là con cưng của Trời mà Thiên tử trong Nho giáo mới thực là nô bộc của dân.

Nếu Thiên tử tàn bạo với dân, thì Thượng Đế không phạt ngay, mà cảnh cáo, cho thì giờ để tự hối. Cảnh cáo bằng cách giáng tai ách. Trung Dung nói: “*Quốc gia sắp hưng, tất có điềm lành*[38], *quốc gia sắp mất tất có điềm dữ*”. Những điềm dữ như mất mùa, mưa gió không phải thời, khí hậu không hợp tiết... Khổng Tử rất tin như vậy, cho nên trong Xuân Thu, lời biên chép cực kỳ giản lược mà ông cũng ghi rất kỹ những biến dị trong vũ trụ.

Nếu cảnh báo nhiều lần mà Thiên tử vẫn không sửa tính tình, chính sách thì Trời mới dùng người để diệt.

Tuân Tử không tin thuyết Thượng Đế giáng tai ách, cho việc Trời và việc người không quan hệ gì với nhau, chỉ lấy thành tích chính trị mà xét vua[39], nhưng cũng nhận dân có quyền diệt vua tàn bạo: “*Giết một ông vua tàn bạo cũng như giết một tên gian ác*” (j)[40] (Tuân Tử - Chính luận). Ông lại nói: “*Vua là thuyền, dân là nước. Nước chở thuyền, nhưng nước cũng làm đắm thuyền*” (Tuân Tử - Vương chế).

4.

Thiên tử là đại biểu của Thượng Đế, cần có đức như Thượng Đế và trí sáng suốt như Thượng Đế.

Đức lớn nhất của Trời là đức *nhân*, cho nên đức *quan trọng* nhất của Thiên tử của là lòng **nhân đạo**.

Đại học nói: “*Làm vua chúa phải đạt tới đức nhân*” (k)[41]. “*Nghiêu, Thuấn dắt thiên hạ bằng nhân mà dân theo*” (l)[42]. Mạnh Tử cũng nói: “*Ba đời Hạ, Thương, Chu được thiên hạ là nhờ đức nhân mà mất thiên hạ cũng vì bất nhân*” (m)[43] (Ly Lâu thương). Ông rất buồn vì thấy các vua chư hầu muốn mở mang bờ cõi mà gây chiến với nhau không dứt, nên khi Lương Tương Vương hỏi: “*Khi nào thiên hạ định được?*”, ông đáp: “*Khi nào thống nhất thì thiên hạ định được và ai không thích giết người thì thống nhất được*” (n) (Lương Huệ Vương). Ý ông muốn bảo hễ nhân thì sẽ làm Thiên tử mà các chư hầu phải quy phục.

Đức thứ nhì là **kính cần**. Khổng Tử nói: “*Ái với kính là gốc của chính trị*” (o) (Lễ ký – Ai công vấn). Kính cần để giữ cho mọi hành động khỏi khinh suất và để làm gương cho kẻ dưới. Vả chăng Nho giáo chủ trương thực hành sự trật tự giữa các giai cấp (coi chương sau) thì tất nhiên phải lấy đức kính cần làm đức căn bản của mọi người, nhất là của kẻ cầm quyền. Trên không kính thì dưới tất loạn.

Đức thứ ba là **khiêm tốn**. Tuy ở một địa vị cao quý, Thiên tử không bao giờ được quên rằng mình chỉ là một người thừa hành nhiệm vụ của Thượng Đế mà muốn làm tròn nhiệm vụ đó, cần có nhiều người giúp sức; nếu không khiêm tốn, thì là kiêu căng, dễ hoá ra độc đoán, phóng túng, bộc hiện tài tất không muốn hợp tác với mình. Theo *Thương Thư*, những minh quân như Nghiêu, Thuấn đều khiêm nhượng. Tương truyền Chu công có khi đứng gọi đầu mà ba lần búi tóc lại để ra đón người hiền; khi khác đương ăn mà ba lần “nhả cơm” để tiếp kẻ sĩ, luôn luôn sợ mất người hiền năng trong thiên hạ.

Đức thứ tư là **tín**. Nếu người trên không giữ lời, không được dân tin cậy, thì ra lệnh dân không theo, việc nước sẽ loạn. Có lần Tử Cống hỏi về chính trị, Khổng Tử đáp:

- “*Làm chính trị cần dân có đủ ăn, trong nước có đủ binh lính, mà dân tin ở ta.*”

Tử Cống hỏi lại:

- *Nếu bắt buộc phải bỏ một trong ba điều đó thì bỏ điều nào trước?*

- *Bỏ binh lính.*

- *Nếu bắt buộc phải bỏ một trong hai điều còn lại, thì bỏ điều nào?*

- *Bỏ điều đủ ăn. Từ xưa, vẫn có những dân chết, còn thiếu đức tin thì không đứng vững được*” (Luận ngữ - Nhan Uyên) (p).

Ý ông muốn nói: Dân chết đói là chuyện thường xảy ra từ trước, quốc gia không vì vậy mà mất, còn làm vua mà không được dân tin thì nước sẽ nguy.

Có đủ bốn đức kể trên, lại có óc sáng suốt nữa thì mới đáng gọi là minh quân. Không sáng suốt thì không biết đường phải, không biết cách trị nước, không biết dùng nhân tài. Cho nên chương đầu *Đại học* rất chú trọng đến sự tu dưỡng trí thức, nói muốn tề gia, trị quốc, bình thiên hạ thì trước hết phải cách vật trí trị:

Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình, muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình; muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tinh thành cái ý của mình, muốn làm tinh thành cái ý của mình thì trước hết phải có trí thức xác đáng. Trí thức xác đáng ở chỗ xét kỹ mọi vật[44].

Và theo thuyết thì các anh quân đời cổ như Phục Hi, Thần Nông, Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn, đều là những vị thông minh tuấn triết hết.

5.

Đạo Nho không nói đến quyền lợi mà chỉ nói đến bổn phận. Địa vị càng cao, bổn phận càng nặng. Bổn phận của vua là bảo hộ dân và giáo hoá dân.

Muốn bảo hộ dân, phải chăm lo việc dân, cho đời sống của dân chúng được sung túc. *Mạnh Tử* - *Đường Văn* công có đoạn:

“*Thường tình của dân là kẻ nào có hăng sản rồi mới có hăng tâm (tức lòng sẵn tốt), không có*

hăng sản thì không có hăng tâm[45]. Không có hăng tâm thì sinh ra phóng dăng, chênh lệch, gian tà, cần dỡ, không có điều gì không dám làm. Không lo cho dân có hăng sản, để cho dân sinh tội lỗi, rồi lại lấy hình phạt ra mà trị, như vậy là chằng lưới để lừa dân”[46]. (q)

Đó là xét bốn phận xã hội của vua. Bốn phận giáo hoá quan trọng không kém. Theo Mạnh Tử, vua Nghiêu đã vạch rõ bốn phận đó trong câu: “*An ủi dân, vỗ về dân, sửa cho ngay lòng của dân, giúp đỡ dân, che chở dân, khiến cho dân tự biết vui về đạo, lại theo mà làm chân khởi cái đức của dân*” (Đặng Văn công thượng). (r).

Nhiệm vụ “phủ chi, giáo chi” đó sẽ được xét kỹ trong hai chương VI và VII; ở đây tôi chỉ nhấn mạnh về chỗ người trên muốn dạy người dưới thì không gì bằng lấy mình làm gương. *Thượng Thư* có câu: “*Một người đứng đầu mà thiện (chỉ thiên tử) thì các nước chư hầu đều theo đường chính*”.

Ý đó là một ý quan trọng trong đạo Nho, được Khổng Tử và môn đệ nhắc tới luôn.

Có lần Quý Khang tử hỏi về chính trị, Khổng Tử đáp: “*Chính trị là ngay thẳng, ông theo điều ngay thì ai dám không ngay?*” (s) (*Luận ngữ - Nhan Uyên*). Rồi Quý Khang Tử lại lo về nạn cướp bóc, ông bảo: “*Nếu chính ông không thích tiên, dẫu ông thưởng người ta, người ta cũng không ăn trộm*”[47] (t) (*Luận ngữ - Nhan Uyên*).

Ông lại nói: “*Người trên mà ngay chính thì không ra lệnh, lệnh cũng được thi hành; người trên mà không ngay chính, tuy ra lệnh cũng không ai theo*”. (u). (*Luận ngữ - Tử Lộ*) – “*Đức của người quân tử (chữ quân tử ở đây chỉ người cầm quyền) như gió, đức của tiểu nhân (tức dân) như cỏ, gió thổi thì cỏ rạp*” (v) (*Luận ngữ - Nhan Uyên*).

Đại học cũng có câu: “*Người trên hiếu với cha mẹ mình thì lòng hiếu của dân cũng phát lên*”. Còn Mạnh Tử thì bảo: “*Vua mà nhân thì ai không nhân, vua mà nghĩa thì ai không nghĩa*” (*Ly Lâu thượng*).

6.

Trời lựa Thiên tử để thay mình dắt dân thì Thiên tử cũng lựa đại phu để giúp mình trị nước. Trước đời Tần, sự tuyển lựa đại phu đều do vua đảm nhiệm lấy.

Vì đảm nhiệm lấy, nên nhà vua rất phải thận trọng. Mạnh Tử nói: “*Làm vua một nước mà muốn đặt người hiền ở dưới thấp lên cao thì, phải cân thận lắm, như bị quốc dân bắt buộc vậy. Như muốn dùng một người nào mà hỏi người tả hữu bên mình, ai cũng bảo đó người đó là hiền, như vậy chưa được; hỏi các đại phu, các đại phu cũng bảo người đó là hiền, như vậy cũng vẫn chưa được; khi hết thấy quốc dân đều bảo người đó là hiền, lúc đó mới xét người ấy, xét xong mà thấy người đó quả là hiền thì mới dùng*” (w). Tới đời Hán, Trung Quốc đã thống nhất, đất đai quá rộng, mới dùng phép đề cử[48].

Hạng đại phu độ tuy có bốn phận kính vua (*Vi nhân thân, chỉ u kính – Đại học*), nhưng lại có quyền khuyên răn vua để dắt dân vua làm điều thiện, khuyên răn không được, thì ngăn cản vua làm điều ác, nếu ngăn cản không được nữa thì phải thôi ngay, không giúp vua nữa. (*Sở vị đại thần giả, dĩ đạo sự quân, bất khả tắc chí*). Làm được bốn phận và thi hành được quyền đó, mới là tột trung. Cho nên Mạnh Tử - Ly Lâu thượng có câu: “*Nhắc điều khó cho vua làm, gọi là cung; bày tỏ điều thiện, ngăn cản điều tà, gọi là kính; còn bảo vua ta không làm được điều thiện, thì gọi là tặc*[49]. (x).

Lại nói: “*Vua không theo đạo phải, không để chí làm điều nhân mà theo giúp làm giàu cho vua thì là làm giàu cho tên Kiệt vậy*” (y) (*Cáo tử hạ*).

Rõ ràng nhất là ý kiến của Tuân Tử. Ông chia bảy tội làm bốn hạng: “*Có bậc đại trung, có bậc thứ trung, có bậc hạ trung, có kẻ quốc tặc. Lấy đức mà báo đáp vua để cải hoá được vua, là bậc đại trung. Lấy đức mà sửa lỗi vua và giúp vua, là bậc thứ trung. Lấy điều phải mà can ngăn vua, làm cho vua giận, là bậc hạ trung. Không lo sự vinh nhục của vua, không lo đến nước trị hay loạn, chỉ thâu hợp của cải, dung túng kẻ cần dỡ để giữ lợi lộc, nuôi bè đảng, là kẻ quốc tặc*” (*Thần đạo*).

Sau cùng quyền của bảy tội là có thể khinh vua và coi vua là giặc: “*Vua xem bảy tội như chó như ngựa thì bảy tội xem vua như người lạ trong nước; vua xem bảy tội như đất như cỏ thì bảy tội xem vua như giặc, như thù*” (*Mạnh Tử - Ly Lâu hạ*) (z).

Vậy Nho giáo tuyệt nhiên không dạy người ta phải sống theo vua, chết theo vua. Quan niệm *trung thân bất sự nhị quân* là quan niệm của bọn hủ Nho. Nhà Nho chân chính chỉ theo đạo mà mưu cầu hạnh phúc cho dân, cho nên Quản Trọng không chết theo chủ là công tử Củ như Thiệu Hốt, mà được Khổng Tử khen là người nhân, đã biết bỏ tiểu tiết để cứu vớt thiên hạ.

CHƯƠNG IV

XÃ HỘI CỦA NHO GIÁO

1. Nguyên lý bất bình đẳng
2. Trật tự trong xã hội
3. Xã hội của Nho giáo
4. Bình đẳng về pháp luật
5. Gia tộc

1.

Khi nghiên cứu xã hội Nho giáo, ta nên nhớ nguyên lý quan trọng này: **Bất bình đẳng là bản chất của vật.**

Nguyên lý ấy dựng trên một quan niệm về huyền học. *Dịch – Hệ từ thượng truyện* có câu: “Trời là quý, đất là hèn, địa vị cần khôn đã định, thấp cao đã bày, quý tiện đã yên” (a). *Dịch – Tị quái truyện* cũng nói: “Có trời đất rồi sau mới có vạn vật, có vạn vật rồi sau mới có trai gái, có trai gái rồi sau mới có vợ chồng, có vợ chồng rồi sau mới có cha con, có cha con rồi sau mới có vua tôi, có vua tôi rồi sau mới có trên dưới, có trên dưới rồi sau lễ nghĩa mới có chỗ thi hành” (b).

Khổng Tử chỉ diễn nguyên lý đó trong kinh *Dịch* mà ít khi bàn với môn đệ. Đến đời sau, Mạnh Tử phát huy nó mạnh mẽ để đả phá một chủ trương chống sự phân chia giai cấp tức chủ trương của Hứa Hoành, một triết gia đồng thời với ông. Hứa Hoành hô hào rằng muốn cho nước bình trị thì mọi người đều phải cày lấy ruộng, nấu lấy cơm mà ăn, không có ai trị ai, không có ai nuôi ai nữa. Trần Tương, một môn đệ của Hứa Hoành đem thuyết đó nói với Mạnh Tử, Mạnh Tử đáp:

- “*Có việc của người lớn, có việc của người nhỏ (...) Người thì lao tâm, người thì lao lực. Người lao tâm thì trị người, người lao lực thì để người ta trị mình. Kẻ để người ta trị mình thì phải nuôi người ta, kẻ trị người thì được người ta nuôi lại. Nghĩa thông thường trong thiên hạ là thế*” (c).

Trần Tương bênh vực đạo thầy, bảo:

- “*Cứ theo cái đạo của Hứa Tử thì chợ không có hai giá, trong nước không có sự giả dối. Dù sai trẻ ra chợ, cũng không bị ai lừa đảo. Dù vải hay lụa mà dài ngắn bằng nhau thì cùng bán một giá; dù gai, sợi hay tơ, bông mà nặng nhẹ bằng nhau thì cũng bán một giá; giày hay dép lớn nhỏ bằng nhau thì cùng bán một giá*”.

Nghĩa là thuyết của Hứa Hoành không phân biệt quý tiện, tốt xấu, cứ dài ngắn, nặng nhẹ bằng nhau, là đồng giá hết. Chủ trương chỉ phân biệt lượng mà không phân biệt phẩm đó trái với nguyên tắc bất bình đẳng về bản chất của đạo Nho, cho nên Mạnh Tử công kích kịch liệt:

- “*Vật không điều nhau là lẽ tự nhiên của vật. Có cái hơn gấp đôi, gấp năm, có cái hơn gấp mười, gấp trăm, có cái hơn gấp ngàn, gấp vạn, ông cho bằng nhau cả tức là làm loạn. Nếu dép lớn dép nhỏ bán cùng giá thì còn ai làm dép lớn nữa. Vậy thì đạo của Hứa Tử, tức là bảo nhau làm điều giả dối. Như vậy trị quốc sao được?*” (Đặng Văn công thượng).

Trong đoạn đó có một chỗ tối nghĩa, và theo phép lý luận ngày nay ta phải nói:

“Ông đã bảo rằng dép lớn nhỏ khác nhau phải bán giá khác nhau, nếu không vậy, không còn ai làm

dép lớn nữa; thì ông cũng phải nhận rằng dép tốt dép xấu khác nhau cũng phải bán giá khác nhau chứ. Nếu không vậy còn ai làm dép tốt nữa? Vậy thì theo đạo của Hứa Tử, cho mọi cái đều đồng giá là bảo nhau làm điều giả dối”.

Ta thấy, để bênh vực thuyết bất bình đẳng, Mạnh Tử không đứng trên khu vực huyền học như Không Tử mà đứng trên khu vực thực tế. Đền Tuân Tử, thì lại đứng trên khu vực công ích về chính trị:

“Người ta sống ở đời không thể không quản tុ, quản tុ mà không định phạt trên dưới thì tranh đoạt nhau, tranh đoạt nhau thì loạn, loạn thì khôn khổ. Cho nên không định phạt trên dưới là cái hại lớn của thiên hạ, định phạt trên dưới là cái tội lớn của thiên hạ” (Phủ quốc).

2.

Nhưng trật tự trong xã hội phải xây dựng trên những nguyên tắc nào? Đây mới là đặc điểm của Nho giáo, còn quan niệm bất bình đẳng chỉ là quan niệm chung của các chính trị gia thời cổ.

Mạnh Tử đề nghị: *“Thiên hạ có ba bậc đáng tôn: tước, tuổi và đức. Ở triều đình không gì đáng tôn bằng tước; ở hương đảng không gì đáng tôn bằng tuổi; giúp đời mà trị dân không gì bằng đức”.* (d)

Quy tắc thứ nhất là *tước* cơ hồ như không hợp lý vì tước mà Mạnh Tử chỉ đó là tước thế tập. Nhưng ta nên nhớ dân tộc Trung Hoa thời đó tin rằng tổ tiên và con cháu liên đới mật thiết với nhau, hệ tổ tiên có công lao, đức hạnh thì con cháu cũng được hưởng lây sự tôn kính, vậy sự trọng tước ở triều đình cũng là dễ hiểu.

Quy tắc thứ nhì có vẻ công bình hơn vì *tuổi tác* không có tính thế tập. Và chẳng trọng tuổi tác tức là trọng kinh nghiệm, mà kinh nghiệm thì bao giờ cũng đáng quý.

Quy tắc thứ ba, tức tùy *đức hạnh* mà giao quyền hành, hợp lý hơn cả, và Mạnh Tử tuy trọng tước – có lẽ là theo tục lệ - nhưng nhiều khi đã coi nó rẻ hơn đức.

Trong chương *Cáo Tử*, ông nói: *“Có tước của Trời, có tước của người. Nhân, nghĩa, trung, tín, vui làm điều thiện mà không thấy mệt, đó là tước của Trời. Công, Khanh, đại phu là tước của người. Người đời xưa sửa tước của Trời, mà tước của người tự nhiên tội; người đời nay sửa cái tước của Trời để cầu cái tước của người; đã được cái tước của người rồi lại bỏ cái tước của Trời đi, mê muội đến vậy là cùng cực, thế nào rồi cũng mất mà thôi”.* (e)

Có lần ông hiên ngang mắng những kẻ tước cao mà đức thấp: *“Kẻ kia cậy ở sự giàu của nó, ta đây cậy ở cái nhân của ta; kẻ kia cậy ở cái tước của nó, ta đây cậy cái nghĩa của ta, ta có điều gì thua kém đâu?”* (f) (*Công Tôn Sửu hạ*).

Lần khác, ông rộng rãi tuyên bố: *“Thiên hạ có đạo thì kẻ đức nhỏ hầu hạ kẻ đức lớn, kẻ hiền ít hầu hạ kẻ hiền nhiều; thiên hạ vô đạo thì kẻ nhỏ hầu hạ kẻ lớn, kẻ yếu hầu hạ kẻ mạnh”* (g) (*Ly Lâu thượng*). Ông lại dẫn lời Tử Tư nói với Mục công: *“Lấy đức mà xét thì ông phải thờ tôi, đâu được làm bạn với tôi!”* (*Vạn Chương hạ*) (h).

Đã sử Trung Quốc còn truyền giai thoại sau này chứng tỏ quan niệm trọng đức hơn tước của nhà Nho:

Vua Tề gọi một kẻ sĩ là Nhan Súc: *“Súc lại đây!”* Nhan Súc ngạo mạn gọi lại: *“Vua lại đây!”* Vua Tề mắng: *“Ta là bậc chí tôn nên có quyền gọi kẻ sĩ như vậy, còn kẻ sĩ gọi Vua như vậy thì đâu là kỷ cương?”* Nhan Súc đáp: *“Vua gọi Súc như vậy mà Súc tội thì Súc mang tiếng nịnh quyền thế; còn Súc gọi như vậy mà Vua tới thì Vua được tiếng kính hiền trọng sĩ. Một đảng mang tiếng xu nịnh, một đảng được tiếng kính hiền, đảng nào hơn?”*

3.

Theo nguyên lý bất bình đẳng và ba quy tắc tước, tuổi, đức mà trật tự trong xã hội Nho giáo được định. Trên cùng có Thượng Đế, rồi tới Thiên tử, các vua chư hầu; chư hầu có năm tước: công, hầu, bá, tử, nam; dưới nữa có đại phu, thượng sĩ, trung sĩ, hạ sĩ. Trong triều đình, địa vị tùy tước và tài đức; trong làng và trong nhà, địa vị tùy theo tuổi.

Sự quy định về quyền hạn theo nguyên tắc nhiều khi rất tỉ mỉ. Chẳng hạn đời Chu, Thiên tử có đất vuông ngàn dặm, thì công và hầu được trăm dặm, bá được bảy chục dặm, tử và nam được năm chục dặm. Ở triều đình Thiên tử, chức khanh được chia đất ngang với tước bá, chức thượng sĩ được đất ngang với tước tử và nam. Trong nước vuông trăm dặm, lộc của vua gấp mười lộc của chức khanh, lộc của khanh gấp bốn lộc của đại phu, lộc của đại phu gấp hai lộc của thượng sĩ, thượng sĩ gấp hai trung sĩ, trung sĩ gấp hai hạ sĩ; thường nhân mà làm việc quan thì lộc ngang với hạ sĩ, lộc đó đủ ăn để khỏi phải cày bừa... (*Mạnh Tử - Vạn Chương*).

Đại loại như vậy. Từ số cỗ xe (tức số binh sĩ vì hồi xưa cũng dùng để đánh giặc), tới màu sắc y phục, thậm chí tới số cung phi cũng được định rõ: Thiên tử được mười hai người thì chư hầu được chín. Chắc độc giả còn nhớ, chỉ Thiên tử mới được phép tế Trời, Đất; do đó có những bản nhạc chỉ được dùng trong triều đình Thiên tử.

Về những nghi tiết cúng tế, ma chay thì không kể sao cho hết, tôi xin cử một việc này làm thí dụ: cha làm thường dân mà con làm đại phu, thì khi chôn cất, áo quan của cha phải là áo quan của hạng thường dân, nhưng tang phục của con phải là tang phục đại phu,

Những lễ nghi đó đều có mục đích giữ cho dân khỏi loạn. Tuân Tử trong chương *Lễ luận* nói:

“Người sinh ra là có lòng muốn, muốn mà không được thì tất phải tìm kiếm, tìm kiếm mà không có chừng mực, giới hạn thì tất phải tranh nhau. Tranh nhau thì sinh loạn, loạn thì khôn khó. Tiên vương ghét loạn, cho nên đặt ra lễ nghĩa để phân biệt trật tự, (...) Thế nào là phân biệt? Là sang hèn có bậc, lớn nhỏ có khác nhau, nghèo giàu, khinh trọng đều có địa vị xứng đáng”.

Lễ còn mục đích nữa để dân “*rõ điều phải trái*” (*Lễ ký – Khúc lễ thượng*)^[50] và để tiết chế tình cảm: “*Lễ quý ở chỗ nó trừ điều ác từ khi chưa nảy mầm ra, gây lòng kính ở chỗ người ta không trông thấy, cho dân ngày ngày đến gần điều thiện, xa tội lỗi mà tự không hay*” (*Đại Bái Lễ ký*)^[51] – *Lễ tế*) (i)

Muốn cho dân giữ trật tự, đạo Nho dùng nhạc để giúp lễ thêm công hiệu. “*Nhạc là động ở trong, lễ là động ra ngoài, cái cùng cực của nhạc là hoà, cái cùng cực của lễ là thuận*” (*Nhạc ký*) (j)

Lễ tiết chế lòng dục, nhạc điều hoà tính tình.

4.

Tuy chủ trương bất bình đẳng trong xã hội, nhưng Nho giáo cho mọi giai cấp được bình đẳng về phương diện pháp luật vì sự công bằng đó cần thiết cho trật tự. Đó là một đặc điểm nữa của đạo Nho.

Khi môn đệ hỏi:

- “*Vua Thuấn làm Thiên tử, ông Cao Dao coi về hình phạt, nếu ông Cổ Tẩu là cha vua Thuấn giết người thì xử cách nào?*”

Mạnh Tử đáp:

- *Cứ việc bắt ông Cổ Tẩu, chứ có gì đâu?*

- *Vậy vua Thuấn không cảm ư?*

- *Vua Thuấn cảm làm sao được? Phép truyền thụ từ đời này qua đời kia là phép công mà*”^[52] (k) (*Mạnh Tử - Tận tâm, thượng*).

Sử nước Tàu còn chép: Thái tử nước Tần phạm pháp, Vệ Ưởng nói: “*Nhân dân bình đẳng về pháp luật. Trong nước không nên có giai cấp khác nhau. Nhưng thái tử là người sau này sẽ nối ngôi vua, không nên đem ra trị tội, mà hai sư phó lãnh trách nhiệm dạy thái tử phải chịu tội thay*”.

Vậy trên hai ngàn năm trước, nhờ Mạnh Tử, Trung Quốc đã phát minh chủ nghĩa tam quyền phân lập, chủ nghĩa bình đẳng trước pháp luật và tinh thần lập hiến trong chính thể quân chủ. Cứ theo đúng nguyên tắc thì ông vua của Nho giáo, quyền lợi bị hạn chế (chịu pháp luật của nhà nước, có số đất đai nhất định) gần như một ông vua lập hiến ngày nay, nhưng trách nhiệm và bổn phận thì nặng gấp mấy lần. Và tuy có giai cấp mà giai cấp ở Trung Hoa không như giai cấp ở châu Âu thời xưa. Dù hoàng thân mà kém đức thì cũng không bằng thường dân mà có nhân (*Tuy hữu Chu thân, bất như nhân dân*).

Xã hội Trung Hoa thời xưa cũng như xã hội La Mã, do sự kết hợp của ba đơn vị cá nhân, gia tộc và quốc gia; nhưng ở Trung Hoa, sự liên lạc giữa ba đơn vị đó mật thiết vô cùng.

Đại học nói: “Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình; muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình”. Lại nói: “”Cái thân đã sửa thì sau nhà mới tề; nhà đã tề thì sau nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình. Từ Thiên tử cho đến thường dân phải lấy sự sửa mình làm gốc, gốc loạn mà ngọn trị thì là điều không hề có”.

Trong Mạnh Tử - Ly Lâu cũng có câu: “Gốc của thiên hạ là nước, gốc của nước là ở nhà, gốc của nhà là ở thân mình”. (l)

Vậy cá nhân, gia tộc, quốc gia, thiên hạ như bốn cái khoen móc vào nhau; hơn nữa, như bốn vòng tròn đồng tâm mà vòng nhỏ nhất là cá nhân, vòng lớn nhất là thiên hạ. Gia tộc không phải chỉ là một chỗ nghỉ ngơi của cá nhân theo quan niệm của phương Tây ngày nay, mà là một cơ quan của quốc gia, có tính cách chính trị, cho nên địa vị của gia tộc rất quan trọng.

Khi Tề Cảnh Công hỏi Khổng Tử về chính trị, ông đáp: “Vua theo đạo vua, bầy tôi theo đạo bầy tôi, cha theo đạo cha, con theo đạo con”. (m), là ông muốn nhấn vào nhiệm vụ chính trị của cá nhân, dù cá nhân đó là ông vua hay người dân thường.

Dịch Gia nhân có câu: “Cha theo đạo cha, con theo đạo con, anh theo đạo anh, em theo đạo em, chồng theo đạo chồng, vợ theo đạo vợ mà gia đạo chính, chính gian đạo thì thiên hạ định” (n). Đó là nhiệm vụ của gia tộc.

Vậy gia chánh với quốc chánh là một, “cha con yêu nhau gốc là việc công” (Chu tử), mà đức hiếu cũng là gốc của đức trung, đức nhân: “Quân tử thờ cha mẹ hiếu, cho nên đối với vua cũng trung” (Hiếu kinh) – “Người hiếu để mà thích phạm thượng là việc ít thấy; không thích phạm thượng mà thích làm loạn, là việc chưa có (...); hiếu, để là gốc của nhân chăng?” (o) (Luận ngữ - Học nhi).

Gia đình là một tiểu tổ chính trị thì cá nhân tất là một cán bộ chính trị. Trong xã hội Trung Quốc, từ trên xuống dưới ai cũng có nhiệm vụ chính trị, tức nhiệm vụ giữ trật tự trong xã hội bằng đạo đức, lễ nghi. Đó là lý tưởng của Nho giáo.

Tóm lại, xã hội theo Nho giáo xây dựng trên những nguyên lý:

- Các hạng người một mặt bất bình đẳng về tư cách mà hạng có đức đáng được trọng hơn cả.
- Một mặt bình đẳng trước pháp luật và trong nhiệm vụ; mỗi cá nhân là một cán bộ chính trị.

Một lần nữa, ta lại thấy rõ tính cách chính trị của Nho giáo. “Cha con yêu nhau, gốc là việc công”, lời đó bao hàm biết bao ý nghĩa!

CHƯƠNG V

CHÍNH TRỊ

1. Trọng lễ nghĩa hơn pháp luật
2. Thuyết chính danh
3. Ghét chính đảng
4. Ghét bàn về lợi
5. Xét nhiệm vụ, không xét quyền lợi
6. Ghét chiến tranh, khinh võ lực

7. *Đế quốc theo Nho giáo*
8. *Thuyết Đại đồng*
9. *Trọng người hơn trọng chế độ*
10. *Vương đạo, bá đạo.*

1.

Khi đã nhận rõ những nguyên lý của Nho giáo trong các chương trên, ta thấy ngay được những quy tắc chính trị của Trung Hoa thời cổ.

Như độc giả đã biết, trị nước theo Nho giáo là giữ trật tự trong xã hội (trị nghĩa là như vậy, có trật tự, trái với loạn), mà nhà Nho không phân biệt chính trị với đạo đức. Do hai nguyên lý đó, lễ nghĩa được trọng hơn pháp luật.

Đại Bái Lễ Ký có câu: “Cái biết của người ta là chỉ biết được cái đã có rồi, không biết được cái sắp có. Lễ là để cấm trước cái sắp có; pháp luật là để cấm sau cái đã có rồi... Ôi lễ, lễ quý ở chỗ dứt được điều ác từ lúc chưa nảy mầm ra, gây lòng kính ở chỗ người ta không trông thấy, để cho dân ngày ngày gần điều thiện, xa tội lỗi, mà tự mình không biết”. (a)

Lễ dạy người ta nên làm điều gì, không nên làm điều gì; pháp luật cấm người ta làm điều gì, nếu không tuân thì phải tội. Lễ có ý nghĩa giáo dục; pháp luật có ý nghĩa thông trị. Lễ có tính cách khoan, nhân; pháp luật có tính cách bạo, tàn. Cho nên Không Tử ghét dùng hình pháp, nói “*xử kiện thì ta cũng như người khác thôi, phải làm sao cho đừng có kiện tụng chứ*” (b) (*Đại học*). Thậm chí, ông cho rằng “*mắng giạn để cải hoá dân là phương pháp kém nhất*” (c) (*Trung dung*).

Tuân Tử mặc dầu chủ trương thuyết tính ác mà vẫn trọng lễ, nhạc, chưa xa đạo của Không Tử nhiều; đến Hàn Phi Tử, “Không nói đến nhân nghĩa” nữa, mà trọng hình pháp, thì đạo Nho đã sai lạc hẳn đi.

2.

Muốn giữ trật tự trong xã hội thì điều cốt yếu là mỗi người phải giữ địa vị và bổn phận của mình; địa vị càng cao thì tài, đức càng phải lớn. Đó là một lý tưởng khó thực hành được, và thời nào cũng có nhiều kẻ tài, đức không xứng với địa vị mà gây mối loạn trong xã hội. Để trừ tệ đoạn đó, Không Tử đề xướng thuyết chính danh. Ông bày tỏ một cách kín đáo chủ trương của ông trong bộ *Xuân Thu* và môn đệ đã ghi chép những lời giảng dụ của ông trong bộ *Luận ngữ* chương *Tử Lộ*:

Một hôm *Tử Lộ* hỏi ông:

- Nếu vua nước *Vệ* nhờ thầy sửa việc chính trị thì thầy làm điều gì trước?

Ông đáp:

- Tất phải sửa danh cho chính trước hết.

- Có đâu thế? Thầy nói vu khoát. Sửa danh cho chính trị để làm gì?

- Anh quê mùa lắm. Người quân tử chưa biết điều gì thì đừng vội nói. Danh không chính thì nói không xuôi, nói không xuôi thì việc không thành, việc không thành thì lễ nhạc không hưng, lễ nhạc không hưng thì hình phạt không đúng, hình phạt không đúng thì dân chúng biết xử trí ra sao cho khỏi bị hình phạt. Cho nên người quân tử danh mà chính thì tất nói được, nói được thì tất làm được... (d)

Thuyết chính danh đó có tính cách cách mạng. Ta có thể hiểu ngầm rằng: Nếu kẻ làm vua mà tàn bạo với dân thì không đáng gọi là vua, cũng như “cái cô (một loại bình đựng rượu) mà không ra hình cái cô, thì không phải là cái cô” (*Luận ngữ - Ung dã*); cho nên giết hãm là ân nhân của dân, chứ không mang tội thí quân.

Tuân Tử cũng cho sự chính danh là cần thiết: “*Nếu kẻ vương giả lại sinh ra ở đời thì tất lại theo cái danh cũ và sửa cái danh mình cho chính*”. Ông viết một chương về chính danh, phát huy được nhiều điều mới, song đứng về phương diện triết lý, hình pháp hơn là đứng về phương diện đạo đức như Không Tử.

3.

Trật tự xã hội đã quy định tỉ mỉ, ai cứ theo phận nấy là quốc gia bình trị; sự thành lập chính đảng hoá vô ích, cho nên Nho giáo ghét chính đảng. Khổng Tử nói: “*Quân tử kính mà không tranh, quân tị mà không có bè đảng*” (e) (*Luận ngữ – Vệ Linh công*); lại nói: “*Thiên hạ có đạo thì người thường không bàn bạc, nghị luận việc nước*” (f) (*Luận ngữ – Quý thị*). Mạnh Tử cũng nói: “*Ngôi thấp mà bàn việc cao là có tội*” (g) (*Vạn Chương hạ*).

Vậy Nho giáo lấy ý chí của Nho giáo làm ý chí của cá nhân. Cá nhân của Nho giáo phải theo một lý tưởng chung để hiệp lực làm cho xã hội được điều hoà.

Về phương diện đó, chính trị Nho giáo có tính cách chuyên chế^[53], nhưng vì nhà cầm quyền phải tôn trọng ý chí của dân, như ý của Trời, và có thể bị dân lật đổ nếu không làm tròn nhiệm vụ, nên sự chuyên chế của chính thể quân chủ Nho giáo khác sự chuyên chế của chính thể quân chủ phương Tây hồi xưa.

Theo nguyên tắc cũng không có vấn đề thiểu số phục tùng đa số, vì ý chí của nhân dân là ý chí của nhân dân sáng suốt, chứ không nhất định phải là của đại đa số quần chúng. Ta có thể nói rằng có chuyên chế, là chuyên chế của những kẻ tài đức mà thôi. Sự chuyên chế đó thì hành cách nào thì ta không được biết; trong tứ thư ngũ kinh không thấy nói rõ cách dẹp các đảng phái ra sao.

4.

Tôi đã nói đạo Nho xét nghĩa vụ hơn xét quyền lợi: Khổng Tử không chê hẳn lợi là thấp, nhưng bảo kẻ làm điều nhân thì phải bỏ mệnh và lợi đi. (*Tử hân ngôn lợi dữ mệnh, dữ nhân*)^[54]. Đến đời sau có lẽ tinh thần vụ lợi mạnh quá, cho nên Mạnh Tử nhiệt liệt tấn công chính sách vụ lợi. Ông bảo: “*Nước không lấy lợi làm lợi mà lấy nghĩa làm lợi*”.

Khi qua nước Lương, Lương Huệ Vương hỏi ông:

- Ông có điều gì làm lợi cho nước tôi không?

Ông gạt ngay đi:

- “*Nhà vua hà tất phải nói lợi, Chỉ có nhân nghĩa mà thôi (h) Nếu ông vua nói: Làm thế nào cho lợi nước ta? thì quan đại phu cũng nói: Làm thế nào lợi cho nhà ta? kẻ sĩ và thứ dân cũng nói: Làm thế nào lợi cho thân ta? Mà trên dưới ai ai cũng tranh nhau về lợi thì nguy mất. Trong một nước vạn cỗ xe, thì kẻ giết vua tức là nhà có ngàn cỗ xe; trong một nước có ngàn cỗ xe, kẻ giết vua tức là nhà có trăm cỗ xe. Vua có vạn, bầy tôi có ngàn, vua có ngàn, bầy tôi có trăm, như vậy không phải là không nhiều rồi. Nếu chỉ nghĩ đến lợi trước, đến nghĩa sau thì kẻ dưới không chiêm được của người trên, không cho là đủ (...) Nhà vua chỉ nên nói đến nhân nghĩa, hà tất nói đến lợi (Lương Huệ Vương thượng).*”

Lần khác, Tống Hình ngờ ý với ông muốn sang Tần, Sở để lấy điều lợi hại can hai nước ấy đừng đánh nhau, ông khuyên:

“*Nếu ông lấy điều lợi mà nói với vua nước Tần, nước Sở thì vua hai nước ấy sẽ vì lợi mà thôi đánh nhau; nhưng nếu ai cũng chỉ thích vì lợi thì người làm tôi sẽ lấy lòng mong lợi mà thờ vua, người làm con sẽ lấy lòng vì lợi mà thờ cha, người làm em sẽ lấy lòng vì lợi mà thờ anh, chỉ lấy lòng mong lợi mà tiếp đãi nhau, như vậy mà nước không mất là điều không có. Nếu lấy nhân nghĩa mà nói thì người làm tôi sẽ đem lòng nhân nghĩa mà thờ vua, người làm con sẽ đem lòng nhân nghĩa mà thờ cha, người làm em sẽ lấy lòng nhân nghĩa mà thờ anh; vua tôi, cha con, anh em đều bỏ lợi mà chỉ đem lòng nhân nghĩa tiếp đãi nhau, như thế mà không trị được thiên hạ là điều chưa có. Vậy thì hà tất phải nói lợi*”. (*Cáo Tử, hạ*).

Tóm lại, Nho giáo tin rằng hề bỏ lợi, dùng nhân nghĩa^[55] là thiên hạ bình: “*Lấy đức mà làm chính trị thì thiên hạ sẽ quy phục như sao Bắc đẩu ở một chỗ mà các sao khác châu cả về*” (i) (*Luận ngữ – Vệ chính*); còn “*bất nhân mà được thiên hạ quy phục thì chưa từng có*” (j) (*Mạnh Tử – Tận tâm, hạ*).

5.

Trật tự được quy định, mà trên dưới chỉ nói đến nghĩa vụ, chứ không nói đến quyền lợi, thì các giai cấp tất hoà hiệp với nhau hơn là đấu tranh nhau. Lời xét đoán dưới đây của một học giả Nhật Bản có phần xác đáng. Đại ý học giả đó nói:

“Trong lịch sử phương Tây, mỗi khi có nguy cơ về cách mạng thì các nhà cách mạng đều nghĩ rằng giai cấp trên phải hy sinh quyền lợi mới tránh được cách mạng; nhưng giai cấp đó không chịu hy sinh và cách mạng phát. Như ở thế kỷ 18, tình hình xã hội Pháp, Đức như nhau mà ở Pháp có cách mạng, ở Đức không, chính vì nhà cầm quyền Pháp và hai giai cấp trên không chịu nhường bớt quyền lợi cho giai cấp bình dân, như ở Đức.

“Sở dĩ thế giới ngày nay có những cách mạng xã hội là vì giai cấp tư bản chỉ vụ lợi kỷ. Đề xướng nghĩa vụ cho giai cấp đó, giảng cho họ chịu hy sinh, là có thể tránh được sự uy hiếp của chủ nghĩa xã hội, ngoài ra không có giải pháp nào cả. Nói cách khác, là phải theo chính sách của đạo Nho. Phải chăng vì lẽ đó mà sau mỗi kỳ đại chiến, người Âu lại hăng hái nghiên cứu Nho giáo”[56].

6.

Nhà Nho trọng nhân nghĩa thì tất nhiên là ghét chiến tranh, khinh vũ lực. Ở trên tôi đã dẫn lời Không Tử bảo Tử Công rằng làm chính trị mà nếu cần phải bỏ một trong ba điều: dân đủ ăn, đủ binh lính, dân tin cậy, thì nên bỏ binh lính trước hết.

Hồi Quý Thị, thủ tướng nước Lỗ, muốn đánh nước Xuyên Du[57], một phụ dung của Lỗ, Nhiễm Hữu và Quý Lộ vào yết kiến Không Tử, thưa việc đó, Không Tử mắng. Nhiễm Hữu đáp:

“Nước Xuyên Du đất hiểm mà gần nước Phí, nay không chiếm nó thì đời sau hại cho con cháu nó”[58].

Không Tử bảo:

“Anh Cầu! (tức Nhiễm Hữu) người quân tử ghét những kẻ không chịu nhận lỗi mà cố đặt lời bào chữa. Ta đây nghe rằng người giữ được nước được nhà không lo vì ít người mà lo người đông mà xử trí không công bằng; chẳng lo của thiếu mà lo không yên ổn. Bởi vì nếu xử trí công bằng thì không đến nỗi thiếu, hoà hợp thì không lo gì người ít, dân được yên vui thì không lo gì nghiêng đổ. Đã được vậy rồi, mà người phương xa không phục, thì phải trau dồi văn đức để họ theo mình rồi an ủi họ. Nay anh Do và anh Cầu giúp thầy các anh, người phương xa không phục mà không sửa văn đức cho họ tới mình, trong nước chia rẽ mà chẳng giữ gìn được, mà lại tính việc binh đao ở trong nước, ta sợ tai hoạ của nhà Quý Tôn không do nước Xuyên Du mà ở ngay bức vách nhà trong đấy”. (k).

Mạnh Tử cũng nói: *“Thành không hoàn bị, binh giáp không nhiều, không phải là tai ách cho nước; đồng ruộng khai khẩn, hàng hoá tiền của không tích tụ không phải là cái hại của nước; người trên thì vô lễ, người dưới thì không học, loạn dân dấy lên, thì chết ngày nào không biết đấy”* (l) (Ly Lâu).

Tiến lên một bậc nữa, ông còn kết tội hạng bày tôi không hướng dẫn vua chúa bằng nhân nghĩa, chỉ lo luyện tập binh mã để chiến thắng nước khác, cho họ không phải là lương thần mà là kẻ thù của dân, không phải là giúp vua mà là giúp kẻ tàn bạo như Kiệt, Trụ.

Nhất là những câu dưới đây của ông thì khấp cổ kim, chưa có chính trị gia nào dám nói:

“Kẻ nào giỏi gây chiến thì phải chịu cái tội nặng nhất”

“Vì tranh đất đai mà gây chiến, làm cho dân chết thì không khác gì cho đất ăn thịt dân, tội đó không tha chết được” (m)

Tuy nhiên, Nho giáo vẫn nhận có hai trường hợp phải dùng binh lực:

- để chống với kẻ xâm lăng mình
- và để vì nhân dân mà diệt vua tàn bạo.

Nhưng cả trong trường hợp thứ nhất, trường hợp tự vệ, chiến tranh cũng là bất đắc dĩ: một vị nhân

quân không vui lòng khi bắt dân phải chết cho đất đai vì đất đai đầu quý bằng nhân mạng.

Có lần Đổng Văn Công hỏi Mạnh Tử:

“Đổng là một nước nhỏ, tận lực thờ nước lớn mà cũng không được yên, phải làm thế nào?”

Ông đáp:

- Xưa Thái vương ở đất Mân bị rợ Địch xâm chiếm, đem da thú dâng nó, nó không tha, đem châu ngọc dâng nó, nó cũng không tha, mới hợp các bô lão mà bảo: “Rợ Địch muốn chiếm đất đai của ta. Tôi nghe rằng người quân tử không lấy vật dùng để nuôi người mà hại người. Các ông lo gì không có vua. Tôi đi đây”. Rồi ông bỏ đất Mân, vượt núi Lương Sơn, lập ấp ở chân núi Kỳ Sơn. Người nước Mân nói: “Ông ấy là người nhân, không nên bỏ ông ấy” và người ta theo ông như đi chợ. Đó là một cách. Còn một cách nữa là cố giữ lấy đất, giữ không được thì chết. Xin nhà vua lựa một trong hai cách ấy”. (Lương Huệ Vương, hạ)

Trường hợp thứ nhì là trường hợp của vua Thang đánh Cát Bá, vì Cát Bá vô đạo, mặc dầu được vua Thang giúp cho đồ cúng mà cũng không tế lễ quý thân, mà còn xúi dân cướp bóc dân của ông. Ông đánh mười một trận đều thắng. Đánh ở phương Đông thì rợ phương Tây oán, đánh phương Nam mà rợ phương Bắc oán, nói: *“Tại sao không giải thoát cho nước tôi trước?”* Dân mọi nơi ngóng ông như đại hạn trông mưa. Ông đánh nước nào thì dẹp vua nước đó mà vỗ về dân, cho nên dân rất vui vẻ. (Mạnh Tử - Đổng Văn Công).

Trường hợp đó tất nhiên cũng là bắt đất dĩ nữa.

7.

Xét lời Mạnh Tử khen vua Thang đó thì biết Nho giáo không bác hẳn chính sách đề chế, nhưng đề chế Nho giáo khác đề chế La Mã. La Mã chinh phục đề chế bằng võ lực, rồi cai trị bằng võ lực. Nho giáo trái lại, lấy đạo đức làm phương tiện, và lấy sự giáo hoá thế giới làm mục đích.

Mạnh Tử nói: *“Đánh nhau để tranh đất, giết người đầy đồng, đánh nhau để tranh thành, giết người đầy thành, thế là cho thỏ địa ăn thịt người, đáng tội chết; cho nên kẻ giỏi đánh nhau chịu hình phạt thứ nhất, rồi đến kẻ kết liên chư hầu, sau mới tới kẻ khai đất mà chiếm đất” (n)* (Ly Lâu, thượng).

Lại nói: *“Kẻ lấy sức mạnh mà bắt người ta phục mình thì người ta không tâm phục, sức mạnh không đủ[59]; lấy đức mà làm người ta phục mình thì lòng người ta vui mà thành thực phục”.* (o) (Công Tôn Sửu, thượng).

Đối với các dân tộc chung quanh, Nho giáo chê là không văn minh, nhưng không có ý diệt họ để khước trương lãnh thổ mà có ý thương hại, muốn khai hoá họ.

Có lần Khổng Tử thấy đạo của mình không thi hành trong nước được, định đem truyền bá nó ở những xứ di địch. Trong môn đệ có người cản: *“Những nơi đó bí lậu, làm sao ở được?”*. Ông đáp: *“Người quân tử ở lại đó thì có gì mà bí lậu?”* (p) (Luận ngữ - Tử hân). Ông cho đạo đức thi hành tới đâu, thì văn hoá truyền tới đó, mà những xứ dã man cũng sẽ thành những phân tử trong thiên hạ của Nho giáo. Lần khác ông còn khen Di, Địch có kỷ cương hơn là Trung Hoa nữa: *“Di, Địch có vua, không như Trung Hoa không có”*[60] (q) (Luận ngữ - Bất dịch).

Vì muốn lấy đức mà phục các dân tộc, cho nên Nho giáo đối với họ khoan hồng, nhũn nhặn: *“Đưa kẻ đi, đón người đến, khen người thiện mà thương kẻ yếu, kém, là để vỗ về phương xa; dòng vua nào tuyệt thì tìm người để nối, nước nào đã suy đổ thì phục hưng lại; trị loạn, giúp nguy, việc triều sinh phải tùy lúc tiện lợi cho người, bắt người ta triều cống ít mà tặng lại người ta nhiều; như vậy để chư hầu có lòng yêu nhớ mình”* (Trung Dung).

Cách cư xử đó là cách của vua Thang đối với vua Cát. *“Vua Thang ở đất Bạc, nước láng giềng là Cát. Cát bá bỏ bê việc tế tự. Vua Thang sai sứ sang hỏi tại sao. Cát bá đáp: “Vì không có súc vật để cúng”. Vua Thang sai người đem bò dê qua. Cát bá mổ thịt ăn, mà không cúng. Vua Thang lại sai người qua hỏi tại sao không cúng. Đáp: “Không có xôi để cúng”. Vua Thang sai dân sang cấy cây cho Cát bá để Cát bá có xôi mà cúng. Sau Cát bá xúi dân cướp bóc những người sang cấy cây giúp mình, nên vua Thang mới bắt đắc dĩ diệt Cát bá”* (Mạnh Tử - Đổng Văn Công, hạ)

Truyện ấy có thực hay không, ta không rõ; nhưng chính sách chinh phục nước khác bằng đạo đức và văn hoá đó, mặc dầu không được luôn luôn theo đúng, cũng giảng được phần nào tại sao dân tộc Trung Hoa, thời Nghiêu, Thuần chỉ chiếm một khu nhỏ hẹp trên lưu vực Hoàng Hà mà rồi lãnh thổ mỗi ngày một lan dần ra, tới đời Thanh, thành một nước lớn nhất thế giới. Họ đồng hoá được những dân tộc mà họ chinh phục, họ đồng hoá được cả những dân tộc thắng họ, như Kim, Nguyên, Thanh. Điều đó làm cho người phương Tây rất lấy làm lạ.

8.

Ở đầu thiên *Lễ vận* trong *Kinh Lễ* có đoạn làm cho nhiều người khảo cứu về Nho giáo phân vân, tức đoạn chép lời Khổng Tử nói với Tử Du sau khi ông thở dài buồn bã về việc vua Lỗ cúng tế không đủ lễ. Đoạn ấy như sau:

“Thực hành đại đạo cùng các bậc anh tuấn đời tam đại thì Khâu này làm không được, nhưng vẫn có chí đó.

Ở thời đại đạo thực hành thì thiên hạ là của chung, người ta chọn kẻ hiền năng, giảng điều tin, sửa điều hoà thuận, cho nên người ta không riêng thân cha mẹ mình, không riêng yêu con mình, kẻ già được nuôi dưỡng trọn đời, kẻ trẻ mạnh có chỗ dùng, trẻ con được săn sóc đến trưởng thành, người ta yêu thương kẻ góa, con cô, người già cô độc, người tàn tật được chu cấp, con trai có chức phận, con gái có chồng con, người ta ghét thấy của cải bỏ phí trên đất mà lượm lên chứ không chủ ý giấu giếm trong mình, ghét sự không dùng sức, nên làm việc chứ không chủ ý lo lợi riêng cho mình. Vì vậy mà cơ mưu phải bẻ tắc, kẻ trộm cắp, người làm loạn, làm giặc không nổi lên, cho nên cửa ngõ không cần đóng. Đó là thời đại đồng.

Nay đại đạo đã bỏ, người ta lấy thiên hạ làm của riêng, ai nấy đều riêng thân cha mẹ mình, đều riêng yêu con mình, cho của cải và sức lực là riêng của mình, vua quan thì cha truyền con nối, quốc gia thì lấy thành quách hào trì mà giữ vững, lấy lễ nghĩa làm kỷ cương, làm cho chính cái nghĩa vua tôi, hậu cái tình cha con, thuận cái tình anh em, hoà cái đạo vợ chồng, đặt chế độ, lập điển lý, tôn trọng kẻ trí dũng, lập công khởi sự riêng cho mình. Cho nên sự dùng mưu chước mới sinh ra mà việc chiến tranh do đó khởi lên. Vua Vũ, vua Thang, vua Văn, vua Võ, Thành Vương, Chu Công, bởi đó mà được chọn là bậc hơn cả. Sáu bậc quân tử ấy đều cân thận ở lễ, lễ là để làm cho rõ cái nghĩa, thành điều tin, rõ người có lỗi, lấy nhân làm phép, giảng điều tôn nhượng, bảo dân theo phép thường. Có ai không theo những điều ấy, thì dầu có thể vị, chúng nhân cũng không cho là hoạ ác, bắt tội mà truất đi. Đó là đời tiểu khang” (s).

Một số học giả gần đây dựa vào đoạn đó mà tuyên truyền cho thuyết đại đồng, song đa số nhà Nho ngờ đoạn đó do những người đời sau thêm thắt; có nhà còn nghi rằng cả kinh *Lễ* và kinh *Thư* cũng không phải Khổng Tử soạn. Dù thuyết đại đồng và tiểu khang đó có thực là của Khổng Tử đi nữa thì ta cũng chỉ nên coi là do ông chán nản mà thốt ra, chứ không phải là chủ trương của ông, vì vậy tôi không coi nó là một tư tưởng của Nho giáo.

9.

Nho giáo đã phân biệt chính trị và đạo đức thì kết quả tất nhiên là trọng người hơn trọng chế độ. Đó cũng là một điểm phương Đông khác với phương Tây. Các chính khách Âu Châu thường nghĩ rằng muốn cải lương chính trị trước hết phải cải lương chế độ, cho nên cách mạng ở Âu Châu đều là cách mạng chế độ. Khi dân chúng Âu lựa người nào để giao quyền, tức là lựa chủ trương, đường lối của người đó, mà khi một nội các bị lật đổ chính là vì chủ trương của nội các đó không được tín nhiệm nữa.

Nho giáo ngược lại, cho rằng chính nghĩa thực hiện được hay không là do người, chứ không do chế độ, chính sách. Chế độ có hoàn thiện đến đâu, mà những người hành chánh thiếu tài thiếu đức thì kết quả cũng tai hại, vì họ không theo đúng chế độ hoặc bỏ mà không theo. *Trung Dung* chương 27 nói: *“Lớn đẹp thay đạo của thánh nhân, ba trăm lễ nghi, ba ngàn uy nghi, đợi có người rồi mới thi hành” (t).* Lại chép lời Khổng Tử nói với Ai Công: *“Việc chính trị của vua Văn, vua Vũ bày ra ở trong sách. Nếu những người như vua Văn, vua Vũ còn thì chính trị được thi hành, nếu những*

người ấy mất thì chính trị ấy ngừng. Đạo của người làm cho chính trị hoá tốt, cũng như đạo của đất làm cho cây tốt; chính trị như cây cỏ bồ, cỏ lư, cho nên làm chính trị tốt hay xấu là do người” (u) (Chương 20).

Vậy Nho giáo cho rằng phải cải thiện cá nhân rồi quốc gia được cải thiện, còn phương Tây chỉ nghĩ cải thiện chế độ quốc gia để cá nhân được cải thiện. Lý tưởng của Nho giáo là tạo thành những người chính nghĩa rồi sau những người đó sẽ thực hành chính nghĩa; lý tưởng của phương Tây là tạo một chế độ để kiểm chế chính khách cho họ rán giữ được chính nghĩa. Nói cho gọn thì nhà Nho dùng **đức trị** và **nhân trị**[61], còn Âu Tây dùng **pháp trị**, khác nhau chỉ ở chỗ đó.

Theo tôi, chế độ quân chủ của Trung Hoa tồn tại được mấy ngàn năm, đã dành nền kinh tế của họ xây dựng trên nông nghiệp, không biến đổi mấy, nhưng cũng còn do họ tin rằng chế độ không quan trọng bằng người. Mỗi khi chịu chính sách bạo ngược của một hôn quân, họ chỉ cho là lỗi tại ông vua đó, chứ không phải tại chế độ quân chủ, cho nên họ làm cách mạng để lật ông vua đó, đưa người khác lên mà vẫn giữ chế độ cũ. Vì vậy ở Trung Hoa ta thấy nhiều cuộc thay triều đổi ngôi hơn ở các nước Châu Âu.

10.

Theo những nguyên tắc kể ở trên thì chính thể của Nho giáo tuy là quân chủ mà có tính cách dân chủ. Về hình thức thì là quân chủ; song quyền lực của vua do dân mà có, vua vì dân mà tồn tại, chứ dân không vì vua mà tồn tại, chỉ khi nào vua làm tròn nghĩa vụ với dân thì dân mới mang ơn và tôn sùng, và địa vị của vua lúc đó mới chính đáng, mệnh lệnh của vua mới được dân theo.

Nhưng chính thể đó cũng không hoàn toàn dân chủ, vì chủ quyền tuy thuộc về nhân dân, mà về hạng nhân dân sáng suốt, chứ không về hạng nhân dân duy kỷ, tức hạng mà nhà Nho ám chỉ trong câu: “*Trời sinh dân có lòng dục, không có chủ thì loạn*”. Hạng dân này phải bị chi phối, dắt dẫn; còn hạng trên, hạng dân chỉ trong câu “*Dân muốn cái gì, Trời muốn cái đó*” là hạng có quyền giám sát vua, bắt vua theo lẽ phải.

Nó có vẻ như chuyên chế vì vua đảm đương tất cả những nhiệm vụ từ cai trị đến giáo hoá và nghiêm cấm đảng phái, nhưng nếu ta xét rằng những phương tiện chuyên chế như võ lực và hình phạt đều bị nhà Nho mật sát thì ta lại thấy chính thể của đạo Nho không chuyên chế chút nào cả. Có lần Quý Khang Tử hỏi Khổng Tử: “*Giết kẻ vô đạo để cho dân có đạo đức, như vậy có nên không?*”. Ông đáp: “*Làm chính trị, cần gì phải dùng đến giết người? Ông thích làm điều thiện thì dân sẽ hoá thiện*” (v) (Luận ngữ - Nhan Uyên).

Muốn tóm tắt, ta có thể nói rằng chính thể của Nho giáo là một chính thể **chuyên chế của nhân và trí**.

Theo đúng chế độ ấy thì thực hành được vương đạo; nếu không dùng nhân nghĩa để trị dân, mà dùng sự thưởng phạt cho công bằng, làm cho dân giàu và mạnh, là thi hành bá đạo; nếu chỉ nghĩ đến cái lợi cho mình, là theo con đường mất nước.

Sự phân biệt ba lối chính trị ấy là một chủ trương chung của các nhà Nho mà Tuân Tử đã ghi trong chương *Vương bá*:

Vương đạo.- “*Đem cả nước mà hô hào làm việc nghĩa và không làm gì hại đến lễ nghĩa. Làm một điều bất nghĩa, giết một người không có tội mà được thiên hạ thì kẻ nhân giả không làm. Cứ giữ vững lòng mình mà giữ nước. Được như thế thì thật là vững chắc lắm vậy. Những người cùng với mình làm việc ấy đều là nghĩa sĩ, những hình phạt đem bày tỏ ra cho quốc gia đều là pháp nghĩa. Những điều mà nhân chủ đã thật tin và đem quân thân quy hướng cả về đó, đều là cái ý chủ vào việc nghĩa. Như thế thì kẻ dưới lấy nghĩa mà trông cậy người trên, ấy là cơ bản định vậy. Cơ bản đã định thì nước định, nước định thì thiên hạ định... Không bởi có gì khác, chỉ bởi cái cơ có làm cho nên việc nghĩa. Ấy là việc nghĩa lập mà làm vương vậy*”.

Bá đạo.- “*Đức tuy chưa đến cùng cực, nghĩa tuy chưa nên hẳn, song cái lý của thiên hạ cũng lược có tiết tấu*[62]. Hình pháp thưởng phạt làm tin cho thiên hạ, kẻ bày tôi ở dưới đều hiểu rõ mà biết những điều yếu ước. Cái chính lệnh đã được bày ra thì dân thấy rõ điều lợi của mình hòng, nhưng cũng không lừa dối dân; đã kết ước với nước nào thì dân thấy rõ điều lợi của mình hòng,

nhưng cũng không lừa dối người. Như thế thì binh mạnh, thành bền, địch quốc sợ mình, cả nước một nền, dân với nước đều tin. Tuy ở nơi hẻo lánh, cũng có uy động cả thiên hạ... Song không phải là hết lòng sửa cái gốc ở sự chính và sự giáo, không phải là lấy lý làm căn bản, không phải là làm cho lòng người ta phục. Làm điều gì thì phương hướng về phương lược, xét việc gì thì dùng cái thuật lấy dặt dãi lao, nghiêm cần sự xúc tích, sửa sang việc chiến bị, trên dưới một lòng tin nhau, thiên hạ không ai dám đương với mình. Không bởi có gì khác, chỉ bởi lược thủ cái tin mà làm. Ấy thế gọi là tín lập mà làm bá vậy”.

Vong quốc chi đạo.- “Dem cả nước mà hô hào làm công lợi, không cần mở cái nghĩa, giữ cái tín, chỉ cốt câu lợi. Trong thì không sợ dối dân để câu cái lợi nhỏ, ngoài thì không sợ dối nước thân với mình để tìm cái lợi lớn. Trong không lo sửa cho ngay chính những thô địa tài hoá của mình, mà lại muốn thô địa tài hoá của người, như thế thì kẻ thân hạ và trăm họ ại chẳng lấy lòng giả dối mà đối đãi với người trên. Người trên dối với người dưới, người dưới dối với người trên, thế là trên dưới chia rẽ nhau ra, như thế thì địch khinh mình, mà nước thân với mình ngờ vực mình, ngày ngày dùng quyền mưu mà nước không khỏi sự nguy biến, đến cuối cùng là mất nước... Ấy không bởi có gì khác, chỉ bởi không dùng lễ nghĩa mà chỉ dùng quyền mưu vậy”[63].

Nhà Nho nào có tâm hồn cũng mong thực hành vương đạo không được thì bắt đắ dĩ mới phải dùng bá đạo. Sử chép Vệ Uởng lại yết kiến Hiếu Công, thuyết vương đạo, Hiếu Công không nghe, phải thuyết bá đạo, Hiếu Công mới chịu nghe, về nhà phàn nàn với bạn: “Đức của nhà vua khó mà ví với đời Ân, Chu được”.

Nói gì tới những bậc như Không Tử và Mạnh Tử. Tuy suốt đời đi lang thang khắp các nước, khát khao được thực hành đạo mình, mà hễ gặp ông vua nào không có chí theo vương đạo thì cũng bỏ đi liền. Không Tử còn làm quan được ít năm chứ Mạnh Tử trước sau chỉ làm khách khanh nước Tề có vài tháng, hồi ông 55 tuổi. Làm khách khanh nghĩa là nhận tước khanh chứ không nhận bổng lộc[64]. Rủi cho ông, mà cũng rủi cho dân Trung Quốc, vua Tề tuy trọng ông, nhưng có đủ các tật: tật thích tiền, tật thích chiến tranh, tật hiếu sắc. Chắc các bạn còn nhớ câu trong *Cung Oán*:

Bệnh Tề Tuyên đã nổi lên đùng đùng[65].

Tề Tuyên Vương chính là ông vua Tề đó. Thành thử, có lòng chí thành, có tài hùng biện như ông, chỉ vì cố giữ nguyên tắc “*phi Nghiêu, Thuấn chi đạo, bất cảm dĩ trần ư vương tiên*” (không phải là đạo Nghiêu, Thuấn thì không dám bày tỏ với vua), mà đành ôm hận, và than thở:

“Người nọ trẻ thì học đạo Nghiêu, Thuấn, lớn lên muốn thực hành; ngờ đâu nhà vua lại bảo: “*Hãy bỏ sở học của chủ đi mà theo ý ta*” thì biết làm sao bây giờ?” (w)

Những tiếng “*biết làm sao bây giờ?*” chua xót cho ông biết bao! (u)

CHƯƠNG VI

CHÍNH SÁCH XÃ HỘI

1. “*Phú*” rồi mới “*giáo*”
2. Chính sách xã hội ở Trung Quốc có sớm hơn ở phương Tây
3. Chính sách xã hội của Mạnh Tử
4. Phép tỉnh điền

Nho giáo cho rằng trị nước là giữ trật tự trong nước, muốn giữ được trật tự đó thì trên dưới phải giữ lễ nghĩa, cho nên rất trọng sự giáo dục. Nhưng giáo dục chỉ có nhiều hiệu quả khi nào dân được đủ ăn, vì vậy chính sách xã hội phải đi trước chính sách giáo hoá.

Khổng Tử có lần đến nước Vệ, thấy dân đông đúc, khen: *“Dân đông thật!”* Học trò là Nhiễm Hữu hỏi: *“Dân đã đông rồi, còn phải làm gì thêm nữa?”* Đáp: *“Phải làm cho dân giàu – Đã giàu rồi, phải làm gì thêm nữa? – Phải dạy dân”*. (a) (*Luận ngữ - Tử Lộ*).

Lần khác, Tử Công hỏi về chính sách chính trị, ông cũng khuyên trước hết phải lo cho dân đủ ăn (*Túc thực, túc binh, dân chi tín hĩ*[66] - *Luận ngữ - Nhan Uyên*). (b)

Mạnh Tử cũng nghĩ rằng dân có hằng sản rồi mới có hằng tâm, mà nhiệm vụ của đứng mình quân là *“chế định tài sản của dân, cho dân ngừng lên thì đủ thờ cha mẹ, cúi xuống thì đủ nuôi vợ con, năm được mùa thì no đủ, năm mất mùa thì không đến nỗi chết đói. Được vậy rồi mới bắt dân làm điều lành thì dân rất dễ làm điều lành”* (*Mạnh Tử - Lương Huệ Vương, thượng*) (c)

2.

Chính sách xã hội đó gốc ở quan niệm Thượng Đế chí nhân, *Dịch – Thoán thượng truyện* có câu: *“Trời đất nuôi vạn vật, thánh nhân nuôi hiền để đạt đến khắp vạn dân”*, nghĩa là Trời nuôi vạn vật thì Thiên tử thay trời, cũng phải dùng người hiền để nuôi dân.

Có lẽ nhờ ở quan niệm ấy mà chính sách xã hội ở Trung Hoa phát hiện sớm hơn ở phương Tây. Ở Anh, mãi tới triều nữ hoàng Elizabert (thế kỷ 16), sự cứu bần cho dân mới được nhà cầm quyền lưu tâm tới, nhưng công việc đó chẳng qua cũng chỉ được coi là một công việc từ thiện, chứ chưa thành một nhiệm vụ của chính phủ. Thời đó người Âu còn nghĩ rằng dân đói rét là tại dân, chứ không tại chính sách của triều đình.

Hai thế kỷ sau, Leibniz mới vạch rõ bốn phận của nhà cầm quyền là phải lo cho dân đủ ăn, đủ mặc; rồi sau các nhà xã hội học như Robert Owen, Saint Simon, Louis Blanc, Fourier..., kế trước người sau, tuyên bố quyền lợi của lao động.

Ở Trung Hoa trái lại, ngay từ thời Xuân Thu, Chiến Quốc, sự nuôi nấng, bảo hộ nhân dân được coi là một nhiệm vụ gốc ở sự công bằng, phải thực hành cho khắp nhân dân, chứ không phải là sự bố thí, gia ân cho một số người nghèo khó. Tử Sản, một quan đại phu của nước Trịnh, có tiếng là nhân từ, thường lấy xe của mình để độ người qua sông Trăn, sông Vị. Mạnh Tử chê như vậy là chỉ biết thi những ân nhỏ mà không biết làm chính trị. Làm chính trị là phải thi cái ân lớn, dựng cầu cho dân qua sông, *“chứ làm vui lòng mỗi người thì suốt ngày làm không đủ”* (*Mạnh Tử - Ly Lâu, hạ*).

3.

Ông là người hô hào chính sách xã hội mạnh mẽ nhất. Hễ nhắc tới vấn đề đó là giọng hùng hồn, lôi cuốn.

Một lần ông nói với Lương Huệ Vương:

“Không làm trái thời cày cấy của dân thì thóc ăn không hết, cấm dân dùng lưới mau quá để đánh cá thì cá, rùa ăn không hết, cho dân đón rừng có thời thì cây dùng không hết; lúa thóc cá rùa ăn không hết, cây rừng dùng không hết thì dân nuôi được kẻ sống và chôn được kẻ chết, không có gì oán hận; nuôi được kẻ sống, chôn được kẻ chết, không có gì oán hận là bước đầu của vương đạo. Nhà nào có năm mẫu mà trồng dâu thì người năm chục tuổi có lụa để mặc, nuôi gà heo chó cho hợp thời thì người bảy chục tuổi có thịt để ăn, ruộng trăm mẫu mà cày cấy cho kịp thời thì nhà nhiều miệng ăn khỏi đói (...) Kẻ bảy chục tuổi có lụa để mặc, có thịt để ăn, dân chúng không đói, không rét, như vậy mà không làm vương (tức làm chủ chư hầu) thì là điều chưa có” (e) (*Lương Huệ Vương, thượng*).

Chương Tận tâm, thượng cũng có câu: *“Nhà có năm mẫu mà trồng dâu dưới chân tường, rồi đàn bà nuôi tằm, thì người già có đủ lụa để mặc; nuôi năm con gà mái, hai con heo nái cho kịp thời thì*

người già có thịt để ăn; ruộng trăm mẫu để trai tráng cây cấy thì nhà tám miệng ăn sẽ không đói”.

Gặp Tề Tuyên Vương, ông khuyên: “già mà không có vợ, gọi là “quan”, già mà không có chồng, gọi là “quả”, già mà không có con, gọi là “độc”, trẻ không có cha, gọi là “cô”. Bốn hạng người này là hạng cùng dân, không biết kêu vào đâu. Vua Văn Vương thi hành chính trị và nhân đạo, nghĩ tới bốn hạng người đó trước hết” (f) (Lương Huệ Vương, hạ).

Dân đủ ăn đủ mặc, kẻ khốn cùng có chỗ nương tựa rồi thì dân mới vui; và lúc đó nhà vua có thể vui chơi mà dân không oán:

“Vua chơi nhạc ở đây, bách tính nghe tiếng trống, tiếng chuông, tiếng sao, tiếng tiêu của nhà vua, đều vui vẻ, có sắc mừng mà bảo nhau: “Vua ta chắc mạnh khỏe, cho nên mới chơi nhạc được”. Vua săn bắn ở đây, bách tính nghe tiếng xe tiếng ngựa của vua, thấy cò xí đẹp dễ, đều vui vẻ, có sắc mừng mà bảo nhau: “Vua ta chắc mạnh khỏe, cho nên mới đi săn được như vậy”. Có do lẽ gì khác đâu, chỉ do lẽ cùng vui với dân vậy” (g) (Lương Huệ Vương, hạ)

Tiến lên bậc nữa, nếu cho vui chung với mình, thì tốn kém đến đâu, dân cũng không cho là xa xỉ; trái lại, nếu để dân cực khổ mà vui riêng một mình thì tội nặng cũng bằng giết dân.

Tề Tuyên Vương hỏi Mạnh Tử:

- Vườn của Văn Vương rộng bảy chục dặm, điều đó có không?

Mạnh Tử đáp:

- Theo truyền thì có.

- Sao mà lớn như vậy?

- Vậy mà dân còn cho là nhỏ đấy.

- Còn vườn của quả nhân chỉ rộng có bốn chục dặm mà dân cho là lớn, là tại sao?

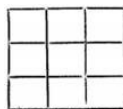
- Vườn của Văn Vương rộng bảy chục dặm, nhưng người cắt cỏ, kiếm củi vô được, kẻ bắt trĩ bắt thỏ vô được. Cho dân cùng chơi trong vườn với mình, cho nên dân cho là nhỏ, cũng là phải chứ? Tôi hỏi mới tới bờ cõi nước Tề, hỏi về những điều đại cảm ở trong nước rồi mới dám vô nước. Tôi nghe nói ở ngoài kinh đô có vườn ruộng bốn chục dặm, mà kẻ nào vô đó giết hươu nai thì bị trị tội như giết người, như vậy thì ruộng bốn chục dặm, khác gì là cái hăm hồ để bày dân không? Dân cho là rộng cũng phải chứ?” (h) (Lương Huệ Vương, hạ)

Trong chương Lương Huệ Vương, thượng giọng ông còn mạnh mẽ hơn nữa:

“Nếu trong bếp nhà vua (chỉ Lương Huệ Vương) có thịt béo, trong chuồng ngựa nhà vua có ngựa mập mà dân sắc đói, trong đồng ruộng có người chết đói, thế là cho thú ăn thịt người[67]. Loài thú ăn thịt lẫn nhau, người ta còn ghét, huống hồ làm cha mẹ dân, thi hành chính trị mà lại để cho loài thú ăn thịt người thì sao phải là cha mẹ dân?” (i)

4.

Đặc sắc nhất của chính sách xã hội trọng Nho giáo là rất chú trọng đến sự làm cho tài sản của dân không chênh lệch nhau quá. Không Tử biết rằng trong nước có những kẻ giàu quá, những kẻ nghèo quá thì khó giữ cho khỏi loạn. Ông nói: “Người trị và trị nhà không lo tài sản có ít mà lo tài sản không chia đều, không lo nghèo mà lo không yên ổn” (i) [68] (Luận ngữ - Quý thị). Về điểm đó, tư tưởng của Trung Quốc tiền trước tư tưởng Âu Tây ít nhất là hai ngàn năm.



Chia ruộng đất cho đều theo phép tính điền[69] là một chính sách mà Mạnh Tử rất ca ngợi. Phép đó là chế độ cộng sản nguyên thủy còn sót lại của Trung Quốc. Theo truyền thuyết, phép đó có từ hồi Hoàng Đế. Mỗi miếng ruộng vực, rộng là chín trăm mẫu, chia làm chín phần bằng nhau như ở hình bên trái[70], mỗi phần trăm mẫu. Tám phần ở chung quanh chia cho tám gia đình; phần ở giữa để ra hai mươi mẫu làm chỗ ở cho tám gia đình, còn lại tám chục mẫu thì tám nhà phải cấy cấy chung nộp lúa cho nhà vua.

Đời Hạ, mỗi nhà được chia năm chục mẫu, đời Ân mỗi nhà được bảy chục mẫu; đến đời Mạnh Tử, chế độ bị bãi từ lâu, ông muốn phục hồi lại và khuyên nhà vua dạy dân tinh thần liên đời, thân hoà với nhau, giữ gìn giặc cướp cho nhau, giúp đỡ lẫn nhau. (*Mạnh Tử - Đằng Văn Công*)

Chính sách chia ruộng đó, lâu lâu lại được các vua Trung Quốc áp dụng lại. Như đời Hán, Võ Đế và Vương Mãng đều muốn lấy đất đai của địa chủ lớn chia cho dân nghèo theo phép tĩn điền; đời Lục Triều, nhà Tần hạn chế số ruộng của hạng vương tôn và phát cho dân nghèo mỗi người bảy chục mẫu; đời Hậu Ngụy, mỗi người được cấp bốn chục mẫu, khi chết phải trả lại triều đình, thêm hai chục mẫu nữa cho đứt để truyền tử lưu tôn; đời Tống, Vương An Thạch cũng chủ trương nhiều cải cách xã hội rất mạnh bạo, mục đích là cho tình trạng “bất quân” bớt được phần nào[71].

Vậy, nhờ tinh thần Nho giáo, nhờ câu “*bất hoạn quả nhi hoạn bất quân*” của Khổng Tử mà các nhà cầm quyền Trung Hoa thời xưa đã sớm biết lo vấn đề điền địa cho dân, tìm cách hạn chế cho tài sản không chênh lệch quá. Có lẽ đó là một nguyên nhân làm xã hội Trung Hoa giữ được tính cách tương đối quân bình và chế độ quân chủ lâu bền được hàng ngàn năm.

* *Chú thích về đơn vị mẫu:*

Hai bộ TỪ HẢI và TỪ NGUYÊN đều cho mỗi mẫu bằng 6.144 mét vuông, nhưng ta chỉ nên coi số đó là một số phỏng chừng, vì những đơn vị đo lường ở Trung Hoa thời xưa tất phải thay đổi ít nhiều tùy thời và tùy miền, Cứ như xem ở nước nhà, mỗi mẫu ta ở Bắc là 3.600 mét vuông, mà ở Trung là 5.000 mét vuông, thì đủ biết đơn vị mẫu ở Trung Hoa và Việt Nam hồi xưa không thông nhất và bất biết như đơn vị hectare của Âu châu thời nay[72].

CHƯƠNG VII

CHÍNH SÁCH GIÁO HOÁ

1. *Nho giáo rất trọng sự học*
2. *Tổ chức học hiệu*
3. *Khoa học, nghệ thuật đều có tính cách đạo đức*
4. *Học là để hành*
5. *Hai hạng người*
6. *Hai lối dạy*

1.

Xét các tôn giáo và triết lý, chỉ Nho giáo là trọng sự giáo dục hơn cả vì hai lẽ: thứ nhất là Nho giáo đã coi trí gần ngang với đức thì tất nhiên phải khuyến khích sự dạy dỗ; lẽ thứ nhì là Nho giáo cho nhiệm vụ giáo hoá dân cốt yếu cũng gần bằng nhiệm vụ xã hội, mà công hiệu của giáo dục còn hơn công hiệu của chính trị: “*Muốn được dân thì chính trị tốt không bằng giáo dục tốt, vì chính trị tốt thì dân sợ, còn giáo dục tốt thì dân yêu; chính trị tốt thì dân giàu mà nước cũng giàu, còn giáo dục tốt thì được lòng dân*” (*Mạnh Tử*) (a)[73].

Chính Khổng Tử là một gương hiếu học và tận tâm trong sự dạy học. Ông tự xét ông: “*Thâm lặng nghĩ ngợi mà biết các lẽ, học mà không chán, dạy người mà không biết mệt, ba điều ấy ta đã làm được đâu?*” (b)[74] (*Luận ngữ - Thuật nhi*)

Lại nói: “*Ta không phải là người sinh ra đã biết, chỉ là người thích đạo thành hiền đời trước, cố sức mà tìm hiểu cho được*” (c)[75] (*Luận ngữ - Thuật nhi*); “*Trong cái áp mười nhà, tất có người*

trung tín như Khâu này, nhưng không có người hiểu học như Khâu” (d)[76] (Luận ngữ - Công Dã Tràn); “Ta thường suốt ngày không ăn, thâu đêm không ngủ để suy nghĩ; vô ích, không bằng học” (e)[77] (Luận ngữ - Vệ Linh Công). Ông lo học không kịp, tới bảy mươi tuổi còn nói: “Giá ta được sống thêm vài năm nữa để học Dịch cho trọn, thì có lẽ không có điều làm lớn” (f)[78] (Luận ngữ - Thuật nhi).

Ai cũng biết rằng Nho giáo chủ trương sự điều hoà tình cảm: “Hi, nộ, ai, lạc chưa phát ra thì gọi là trung, phát ra mà trúng tiết thì gọi là hoà, trung là gốc của thiên hạ, hoà là cái thông đạt của thiên hạ” (g)[79] (Trung dung); nhưng phần đông chỉ nhớ phương pháp điều hoà tình cảm bằng lễ nhạc, tức phương pháp áp dụng chung cho mọi người, mà quên phương pháp dùng lý trí để hướng dẫn tình cảm, tức phương pháp áp dụng riêng cho hạng trí thức. Công dụng của phương pháp thứ nhì đó đã được Không Tử vạch rõ trong câu: “Muốn nhân mà không muốn học thì bị cái che mờ là ngu; muốn trí mà không muốn học thì bị cái che mờ là cao kỳ thái quá; muốn trực mà không muốn học thì bị cái che mờ là ngang ngạnh; muốn dũng mà không muốn học thì bị cái che mờ là táo bạo khinh suất” (Luận ngữ - Dương Hoá) (h)[80]. Đọc câu trên ta hiểu được sự quan trọng đặt biệt của sự học trong con mắt nhà Nho. Những đức nhân, nghĩa, dũng mà không có sự học hướng dẫn thì cũng vô dụng và tai hại.

2.

Một điều làm vẻ vang dân tộc Trung Hoa là từ đời thượng cổ họ đã có một tổ chức giáo dục gần hoàn bị và bao trùm khắp nước. Thời vua Thuấn (thế kỷ 23 trước Tây lịch), đã có học hiệu; đến các đời sau là Hạ, Thương, Chu, họ phân biệt đại học và tiểu học. Kinh Lễ, thiên Học ký chép: “Giáo dục ngày xưa, ở nhà thì có “thực”, ở chỗ “đảng” thì có “tường”, ở chỗ “thuật” thì có “tự”, ở nước thì có “học” (i)[81] Trịnh Huyền giải nghĩa rằng năm trăm nhà là một “đảng”, mười hai ngàn rưởi nhà là một “thuật”.

Lâm Ngữ Đường chú thích khác: mỗi xóm hai mươi lăm nhà thì có một “thực”, năm trăm nhà có một “tường”, hai ngàn rưởi nhà thì có một “tự”, và tại kinh đô mỗi nước có một “học”. Ta không cần biết những con số của Trịnh hay của Lâm đúng, chỉ nên nhớ rằng hiện nay nhiều quốc gia cho có một tổ chức như vậy.

Về chương trình dạy học, Lâm Ngữ Đường nói:

“Mỗi năm người ta thu nhận học trò mới và cứ hai năm có một kỳ thi. Cuối năm thứ nhất, người ta xét cách chăm câu của học sinh và răn tìm thiên tư của chúng. Sau ba năm, người ta răn xét tập quán chuyên cần và tinh thần đoàn thể của chúng. Sau năm năm người ta xét sức học của chúng và xem chúng có theo đúng lời thầy dạy không. Sau bảy năm, người ta xét sự tiến triển của tư tưởng cùng cách lựa bạn để giao du của chúng. Đó là cấp tiểu học.

“Sau chín năm, học sinh phải biết mọi đầu đê, có một sự hiểu biết tổng quát về đời sống và có một nhân cách xây dựng vững vàng trên những quy tắc mà chúng không thể rời được. Đó là cấp đại học”[82].

Vậy nền tiểu học là bảy năm, nền đại học là hai năm, vừa luyện đức vừa luyện trí. Ba, bốn ngàn năm trước mà giáo huấn ở Trung Hoa đã được như vậy, thực đáng cho ta khâm phục.

3.

Tuy luyện trí, song mục đích cuối cùng của giáo dục vẫn là tạo nên con người đạo đức, đạo đức một cách sáng suốt.

Theo Lễ ký, trẻ em mười hai tuổi bắt đầu đi học, mười ba tuổi học nhạc, thư, bắn cung; sau dạy thêm lễ, đánh xe, toán pháp, cho đủ lục nghệ (lễ, nhạc, xạ, ngư, thư, số). Nhưng những môn đó đều là phụ; điều quan trọng là “Người đi học, vào thì hiếu, ra thì lễ; cần mà tín, yếu mến mọi người mà thân cận với người nhân; làm được những điều ấy rồi, có thừa sức mới học văn” (j)[83] (Luận ngữ - Học nhi). Không Tử còn nói: “Để chỉ vào cái đạo, giữ lấy cái đức, tựa vào cái nhân, ưu du ở nghệ thuật” (k)[84] (Luận ngữ - Thuật nhi). Ông cho nghệ thuật ở sau đạo đức, cơ hồ bắt nghệ thuật, kỷ

thuật phải có tính cách đạo đức nữa.

Như *Thượng thư* là một bộ sử, thuộc về loại khoa học mà cũng luận về nguyên lý trị nước, bình thiên hạ.

Kinh Thi là một tập sưu tầm ca dao và các bài hát ở triều đình mà Không Tử cũng dùng vào việc giáo hoá: “Ba trăm bài trong tập *Thi*, lấy một lời là trù cả: là không nghĩ bấy” (I)[85] (*Luận ngữ - Vệ chính*).

Lại nói: “*Đọc tập Thi có thể cảm phát ý chí, có thể xem xét điều hay điều dở, có thể hoà hợp mà không lưu đày, có thể bày tỏ cái sâu oán mà không giận. Gần là ở trong nhà thì biết thờ cha, xa ra ngoài thì biết cách thờ vua*” (*Luận ngữ - Dương Hoá*) (m)[86]

Kinh Dịch cũng chứa một triết lý về cách trị dân và xử thế. Không Tử nói: “*Thánh nhân dùng đạo Dịch để thông cái chí của thiên hạ, định được công nghiệp của thiên hạ, đoán được cái ngờ của thiên hạ*” (n)[87].

Kinh Xuân Thu về hình thức là một bộ sử biên niên mà về nội dung thì chứa ý bình luận thời sự, vạch đường ngay cho kẻ cầm quyền, cho nên Mạnh Tử nói: “*Không Tử viết Xuân Thu mà loạn thân tặc tử sợ*” (o)[88] (*Đặng Văn Công, hạ*).

Còn *Kinh Lễ* và *Nhạc* có tính cách giáo hoá ra sao, ở một chương trên tôi đã xét rồi, xin miễn nhắc lại.

Tóm lại, khoa học, nghệ thuật theo Nho giáo, không như khoa học và nghệ thuật phương Tây chỉ tìm cái Chân, cái Mỹ, vì cái Chân, cái Mỹ; mà có mục đích thực tiễn là trị thiên hạ, giữ trật tự trong xã hội, là hành đạo.

“*Đọc ba trăm bài Thi, giao cho chính quyền mà không đạt được, sai đi ra ngoài bốn phương mà không biết đôi phó thì học nhiều mà làm gì?*” (*Luận ngữ - Tử Lộ*).

4.

Vì vậy nhà Nho chân chính nào cũng cầu được làm quan, không phải để vinh thân phì da mà để giúp đời.

Chu Tiêu hỏi Mạnh Tử: “*Người quân tử hồi xưa có làm quan không?*” Mạnh Tử đáp: “*Làm quan. Truyền chép rằng Không Tử ba tháng không làm quan thì ngong ngóng không yên. Người đời xưa ba tháng không làm quan thì bạn bè tới chia buồn – Ba tháng không làm quan mà chia buồn chẳng phải là gấp quá chăng? – Kẻ sĩ mất chức cũng như vua chư hầu mất quốc gia (...), như vậy chẳng đáng chia buồn sao?*” Lại hỏi: “*Kẻ sĩ ra khỏi cõi tất mang lễ vật là tại sao?*” Đáp: “*Kẻ sĩ làm quan cũng như nông phu cấy ruộng. Nông phu há vì lẽ ra khỏi cõi mà bỏ cây bừa đi sao?*”[89]

Sau Chu Tiêu có ý trách Mạnh Tử sao không yết kiến các vua chư hầu, ông đáp: “*Người xưa ai cũng muốn làm quan, nhưng lại ghét sự làm quan không hợp đạo*”, nghĩa là ghét sự cầu cạnh, luôn cúi đầu làm quan (p)[90] (*Đặng Văn Công, hạ*).

Tử Công cũng có lần trách Không Tử như vậy: “*Mình có ngọc quý nên giấu kín trong rương hay nên câu giá cao mà bán? Ông đáp: “Bán chứ! Bán đi chứ! Ta đợi được giá đây”* (q)[91], (*Luận ngữ - Tử hân*). Lời tuy là lời nói đùa song cũng cho ta thấy rằng ông mong gặp ông vua nào biết thực hành đạo của ông. Cho nên ông bốn ba hàng chục năm để tìm minh quân, đến nỗi có kẻ chê ông là “*biết không làm được mà cứ làm*” (*Luận ngữ - Hiến vấn*), hoặc khuyên ông đừng lo cho đời nữa: “*Ua nà như nước chảy một chiều, thiên hạ đều thế cả, ai mà theo mình để sửa đổi việc loạn ra trị*”, ông buồn rầu đáp: “*Nếu thiên hạ có đạo thì Khâu này còn dự đến việc thay đổi làm gì?*” (r)[92] (*Luận ngữ - Vệ tử*).

Vậy, Nho giáo tuy không nói ra, song chủ trương rằng muốn hành thì phải trị (phải học) mà **tri rồi thì phải hành**. Vương Dương Minh sau này phát huy thuyết tri hành hợp nhất, gốc cũng ở những tư tưởng cùng quan niệm của Không Tử, Mạnh Tử mà ra.

5.

Không Tử và Mạnh Tử đều tin rằng loài người bẩm thụ tính thiện của Trời.

Không Tử nói: “*Người ta sinh ra vốn ngay*” (s)[93] (*Luận ngữ - Ung dã*); lại nói: “*Tính người ta ai cũng gần như nhau, vì tập quán mà tính mỗi người mới hoá ra khác nhau*”. (t)[94] (*Luận ngữ - Dương Hoá*)[95].

Còn Mạnh Tử thì nói: “*Tính người ta làm lành như nước chảy xuống chỗ thấp. Người ta không ai không thiện, nước không lúc nào không chảy xuống chỗ thấp*”. (*Cáo tử, thượng*) và: “*Cứ theo cái bản năng của người ta, ai cũng có thể làm điều lành, cho nên mới nói là thiện*”. Ông chứng minh: “*Người ta ai cũng có lòng trắc ẩn, ai cũng có lòng tu ố, ai cũng có lòng cung kính, ai cũng có lòng thị phi. Lòng trắc ẩn là nhân, lòng tu ố là nghĩa, lòng cung kính là lễ, lòng thị phi là trí. Nhân, lễ, nghĩa, trí, không phải ở ngoài mà đúc thành đâu, mà có sẵn trong lòng người ta đấy*”. (*Cáo tử, thượng*) (u)[96]. Ông tin chắc rằng bất kỳ người nào hể tu tâm dưỡng tánh thì cũng thành Nghiêu, Thuấn được.

Đó là về phương diện đạo đức, còn về trí dục thì Không Tử phân biệt hai hạng người tư chất cao thấp khác nhau: hạng từ bậc trung trở lên và hạng từ bậc trung trở xuống. Đối với hạng trên, có thể giảng những điều cao xa được, còn đối với hạng dưới, thì chỉ “*có thể khiến họ theo lẽ phải mà không thể cho biết nguyên lý được*” (*Dân khả sử do chi. Bất khả sử trị chi – Luận ngữ - Thái bá*) (v). Có lẽ ông cho rằng trọng đàm môn đệ giỏi của ông, cũng có những điều không thể đem giảng ra được. *Luận ngữ* chép ông rất ít nói đến mệnh Trời, đến điều quái lạ, đến thần thánh. (*Luận ngữ - Tử hân và Thuật Nhi*).

Mạnh Tử cũng theo quan niệm đó, cho nên nói: “*Suốt đời theo đạo mà không biết đạo là dân chúng*” (w) (*Tận tâm, thượng*). Tuy nhiên đó chỉ là xét chung, chứ ông cũng nhận rằng trong đám bình dân vẫn có những đại đức, đại trí; và hình như ông có cảm tình riêng với hạng người đó nữa. Ông bảo:

“*Vua Thuấn ở trong đám dân cày xuất thân. Ông Phó Duyệt (thủ tướng cho vua Cao Tôn đời Thương) ở trong đám thợ nề xuất thân. Ông Đạo Cách (một danh thần) ở trong phường mắm muối xuất thân. Ông Bách Lý Hề (cũng là một hiền thần) ở trong đám bán trâu xuất thân. Trời muốn giao trách nhiệm lớn cho ai thì trước hết bắt họ khổ tâm chí, mệt gân xương, đói khát đến xác thịt, nghèo thiếu đến thân thể, lúng túng trong hành động để họ phát động lòng tốt, đè nén tính xấu mà tăng ích tài năng lên*”. (x).

6.

Do chủ trương trên mà phương pháp giáo hoá khác nhau tùy hạng người.

Đối với hạng trung nhân dĩ hạ, Nho giáo chỉ cốt gây cho họ có những hoàn cảnh tốt và tập quán tốt. Mạnh Tử có lẽ chịu ảnh hưởng của bà mẹ, (chắc đọc giả nhớ chuyện Mạnh mẫu ba lần đổi chỗ ở để giáo hoá con) và nhớ kinh nghiệm ở bản thân mình, nên ông đặt biệt chú trọng đến hoàn cảnh. Ông nói: “*Chỗ ở biến đổi tính khí, sự ăn uống biến đổi thân thể, chỗ ở thực là quan trọng*”. (*Tận tâm, thượng*) (y). Ông nhận xét rất đúng: “*Năm được mùa tử đệ nhiều người tử tể, năm mất mùa thì tử đệ nhiều kẻ hung bạo*”. (*Cáo tử, thượng*) (z).

Tuân Tử cũng nói: “*Cỏ bông sinh ở đám gai, không chống đỡ mà ngay, cát trắng ở bùn thì hoá đen (...); cho nên quân tử ở tất chọn làng, chơi tất chọn kẻ sĩ, để đề phòng sự bậy bạ mà gần sự trung chánh*” (*Tuân Tử - Khuyên học*).

Còn công dụng giáo hoá của tập quán đã được bày rõ trong ba chữ “tập tương viễn” của Không Tử, bốn chữ “tập tục di chí”[97] của Tuân Tử và trong câu của Mạnh Tử ví nhân tâm với một lối đi ở giữa rừng núi, hể dùng lâu thì thành đường mà bỏ lâu thì cỏ lấp (*Mạnh Tử - Tận tâm, hạ*) (z1).

Vậy nhiệm vụ của nhà cầm quyền là tạo những hoàn cảnh tốt, rồi tập cho dân có những đức tốt. Những đức nào đáng luyện trước hết? Theo sách *Trung dung*, Không Tử kể ra ba đức: Trí, nhân, dũng (*Chương 20*). Mạnh Tử lựa bốn đức: nhân, nghĩa, lễ, trí. (*Mạnh Tử - Công Tôn Sửu, thượng*).

Sau, Đồng Thư đời Hán thêm đức tín nữa, cộng là năm đức và gọi là ngũ thường: nhân, nghĩa, lễ, trí, tín.

Ta nhận thấy ba nhà đó đều kể hai đức nhân và trí. Đặng Thái Mai cho rằng đối với Không Tử, nhân gồm cả lễ và tín.

“Trong *Luận ngữ*, trả lời cho Phàn Trì, Khổng Tử nói: “Nhân là yêu người”, rồi nói thêm: “Cư xử phải kính, làm việc phải cẩn thận, đối đãi với người phải thật thà”.

Nói với Tư Mã Ngưu: “Người nhân nói ra câu nào phải chắc chắn”.

Với Trọng Cung: “Đi ra cửa kính cẩn như sắp tiếp một người khách quý, trị dân kính cẩn như là lo việc tế tự lớn. Việc gì mình không thích, đừng làm cho người khác phải chịu (...)”

Trả lời cho Nhan Uyên, người học trò giỏi nhất của Khổng, Phu tử nói: “Đề nén mình theo lễ là nhân”.^[98]

Nếu ta lại nhớ câu của Khổng Tử đáp Tử Lộ rằng: “*Khoan nhu mà dạy người, ngay thẳng với kẻ vô đạo, là cái cường của người phương Nam*” (z2) thì ta thấy nhân là cường, là dũng nữa (*Trung dung*, chương 10).

Vậy nhân là một thái độ đối với mình thì đề nén lòng dục để theo lễ phải, quốc hữu đạo hay vô đạo cũng không thay đổi chí mình; đối với người thì lễ mao, thành thực, khoan hoà, bác ái. Song quan niệm bác ái của đạo Nho khác đạo Da Tô hay đạo Phật, không phải là một lòng hy sinh hoàn toàn cho người, mà là một lòng yêu người có tính cách hợp lý, mặc dầu nếu cần, người quân tử có thể “sát thân dĩ thành nhân”^[99], cho nên có người hỏi nên lấy đức báo oán không, Khổng Tử hỏi lại: “*Thế thì lấy gì báo đức?*”, rồi khuyên: “*lấy đức báo đức, lấy sự công bằng, ngay thẳng để báo oán*” (z3) (*Luận ngữ - Hiến văn*).

Muốn cho nhân có tính cách hợp lý thì nhân phải đi với trí, đức quan trọng thứ nhì của Nho giáo. Nhưng sự mở mang lý trí tới một mực cao xa thì chỉ có thể thực hành với hạng trung nhân dĩ thượng.

Về phương pháp, Nho giáo dùng cả phép trực giác và phép suy luận.

Khi Khổng Tử bảo Tăng Sâm: “*Đạo ta chỉ có một mối mà thông suốt hết*” (z4), Tăng Sâm hiểu mối đó là trung thứ, tức là Khổng Tử đã dùng trực giác để dạy Tăng Sâm và Tăng Sâm hiểu bằng trực giác.

Nhưng khi ông bảo: “*Giảng cho một góc rồi mà không suy ra được ba góc kia thì không giảng cho nữa*” (z5) (*Luận ngữ - Thuật nhi*) và: “*Học rộng mà phân giải cho rõ ràng rồi nói lại mà tóm tắt hết đại yếu*” là ông muốn đệ tử phải biết suy luận. Cho nên Nhan Hôi nói: “*Phu tử cứ tuân tự dạy dỗ người, lấy văn học mà làm rộng kiến thức của ta*” (z5) (*Luận ngữ - Tử hân*)

Theo Lâm Ngữ Đường, Khổng Tử còn nói một câu có thể ghi lên trang đầu những sách sư phạm ngày nay: “*Một ông thầy khéo hỏi học trò thì theo cách của người bừa củi: bắt đầu từ những cạnh nhẵn của khúc củi và dành những mấu lại cho lúc cuối cùng. Theo cách đó, thầy và trò đều giải được điều khó mà thấy vui thích. Ông thầy vụng hỏi thì ngược lại*”^[100]

Chứng cứ minh bạch nhất là cuốn *Đại học* mở đầu bằng một trang trong đó phép suy luận cực kỳ khúc chiết:

“*Cái đạo của bậc đại học là sự làm sáng cái đức sáng, ở sự thân yêu người, ở sự đến chỗ chỉ thiện mới thôi. Có biết đến cùng rồi sau mới có định, định rồi sau mới có thể tĩnh, tĩnh rồi sau mới có thể yên, yên rồi sau mới có thể tư lự tinh tường, tư lự tinh tường rồi sau mới biết được cái hay, cái phải. Vật có gốc có ngọn, sự có cuối có đầu, biết rõ trước sau tức thị là gần đạo.*”

“*Đời xưa, muốn làm sáng đức trong thiên hạ thì trước hết phải trị nước mình; muốn trị nước mình thì trước hết phải tề nhà mình, muốn tề nhà mình thì trước hết phải sửa thân mình; muốn sửa thân mình thì trước hết phải chính cái tâm của mình; muốn chính cái tâm của mình thì trước hết phải làm cho tinh thành cái ý của mình, muốn làm tinh thành cái ý của mình thì trước hết phải có trí thức xác đáng. Trí thức xác đáng ở chỗ xét kỹ mọi vật.*”

Mọi vật đã xét kỹ thì sau trí thức mới xác đáng; trí thức đã xác đáng thì sau cái ý mới tinh thành; cái ý đã tinh thành thì sau cái tâm mới chính; cái tâm đã chính thì sau cái thân mới được sửa; cái thân đã sửa thì sau nhà mới tề; nhà đã tề thì sau nước mới trị; nước đã trị thì sau thiên hạ mới bình. (z7)

Tôi tưởng ngay trong sách triết học của Âu, Mỹ cũng khó kiếm được một đoạn mà phép suy luận có tính cách toán học tới như vậy. Và nếu độc giả cần thêm chứng cứ nữa, thì xin mở bộ *Mạnh Tử*, sẽ thấy chương nào họ Mạnh cũng dùng phương pháp đó để dẫn dụ người khác theo đạo nhân nghĩa.

Chẳng qua bàn về đạo đức thì có lúc phải dùng đến trực giác, mà Khổng Tử vốn là người ôn hoà,

kính cần, ít giảng giải dài dòng cho nên lời của ông hàm súc, sâu sắc, làm cho ta tưởng lầm ông chủ trương dùng trực giác để dạy. Và như tôi đã nói ở đầu cuốn này, danh của ông lớn quá, người ta cho không học là toàn thể Nho học, rồi kết luận rằng Nho giáo chủ trương dùng trực giác. Sự thực chưa hề có môn học nào mà không vừa dùng trực giác vừa dùng suy luận để dạy; và Nho giáo có lẽ là một triết học trọng suy luận nhất. Trần Trọng Kim viết: “lời học của người Tàu, chủ ở sự phải suy nghĩ ra mà hiểu, phải lấy ý mà hội, chứ không phải ở sự theo lý trí mà suy luận và phụ diễn hết cả ra văn từ” (*Nho giáo – Lời phát đoạn*, sách đã dẫn). Lời học chỉ trong câu đó, chắc chắn không phải là luôn luôn lời học của Nho giáo[101].

KẾT

Người ta bảo Nho giáo bây giờ không còn hợp thời nữa. Chính Trần Trọng Kim là người hăng hái bệnh vực nó nhất, cũng còn bảo: “Nho giáo (...) chỉ thi thố ra được ở thời đại nhân dân còn có tính chất phác, sự làm ăn còn giản dị; khi nhân trí đã biến thiện như thời nay thì cái học thuyết ấy vị tất đã có mấy người chịu theo, mà chịu theo nữa cũng chưa chắc đã theo được đúng (...) Nay ta ở vào thời đại khoa học đang tiến bộ, ta không thể trở lại lối sinh hoạt thời cổ được”[102].

Nếu áp dụng Nho giáo đúng từng chữ trong các Kinh, Thư, thì quả thật Nho giáo không còn hợp thời. Hợp thời làm sao được? Có triết lý chính trị nào xây dựng để cho hại ba ngàn năm sau dùng đâu? Nhưng nếu xét tinh thần của Nho giáo thì tôi tưởng về nhiều điểm, Không Tử vẫn còn xứng với danh “vạn thế sư biểu”.

Hiện nay các nước phương Tây như Pháp, Đức, Anh, Mỹ... đều có những hội nghiên cứu cổ học đó của phương Đông và người ta nghiệm rằng sau kỳ đại chiến vừa rồi cũng như sau kỳ đại chiến thứ nhất, số người lưu tâm đến Nho giáo tăng lên. Cứ theo bảng kê sách tham khảo ở cuối cuốn “Confucius” của Etienne – (Club française du Livre – 1956) thì từ 1945 đến nay đã có khoảng một chục cuốn viết về đạo Nho[103]. Ấy là không kể những tạp chí cùng những sách mà ông cho là không có giá trị. Sở dĩ phong trào nghiên cứu đạo Nho sau mỗi đại chiến lại tiến lên bùng bột một phần là vì người phương Tây tò mò muốn biết triết lý của Nho giáo ra sao mà tổ chức được một xã hội rộng lớn và lâu bền như vậy, trong hai ngàn năm không hề bị lung lay như xã hội Âu, Mỹ ngày nay.

Như tôi đã rón trình bày trong cuốn này, Nho giáo đặc biệt ở chỗ nó không phải là một thần giáo, cũng không phải là một tôn giáo mà là một truyền thống của cả một dân tộc, **một truyền thống chính trị xây dựng trên đạo đức và lương tri**.

Người Trung Hoa tin rằng Trời sinh dân, cho dân bẩm thụ cái thiện tính, muốn cho dân có hạnh phúc. Muốn có hạnh phúc dân phải giữ trật tự trọng xã hội; mà cái trật tự tự nhiên là hạng tài đức phải ở trên hạng thường dân. Cả hai hạng người đó đều phải theo chức vụ của mình; nhất là hạng người trên, hạng thay Trời, thay Vua để trị dân, càng phải làm tròn bổn phận trước hết: lo cho dân đủ ăn, đủ mặc, rồi giáo hoá dân.

Tuy bất bình đẳng về tài trí, địa vị, hai hạng người đó đều bình đẳng về pháp luật và quyền sống: người trên mà tàn bạo thì người dưới có quyền khinh bỉ diệt trừ; và không có ai giàu quá, không có ai nghèo quá, người nào cũng phải có đủ phương tiện nuôi cha già và con thơ.

Chính sách giáo hoá của Nho giáo chú trọng đến nhân và trí (nhân gồm lễ, nghĩa, tín, dũng); đối với hạng trung nhân dĩ thượng thì dùng trực giác và suy luận mà giảng những điều cao xa để họ sáng suốt thì hành đức nhân trong nhiệm vụ dắt dân của họ.

Đại để chủ trương của Nho giáo như vậy: **có giai cấp mà là bình đẳng, quân chủ mà tựa như dân chủ, chuyên chế mà có vẻ tự do, trọng cả đức lẫn trí, tinh thần lẫn vật chất**, rất hợp với bản tính của người thường và rất thực tế.

Đứng về phương diện đạo đức hay triết lý thuần túy mà xét thì tính cách thực tế ấy làm cho đạo Nho

không cao xa bằng Phật giáo hay Đạo giáo; và nhiều người chê Nho giáo như vậy. Nhưng xét cho kỹ thì họ vụng suy, vì muốn phê bình đạo Nho, phải đứng về phương diện chính trị: bản chất của nó chính là triết lý chính trị. Mà đứng về phương diện này nó chẳng thấp mà còn rất cao nữa: lý tưởng của nó trên hai ngàn năm nay nhân loại chưa thời nào thực hiện được hết và những ông vua nào chỉ theo được cái bá đạo của nhà Nho thôi như Đường Thái Tôn, vua Lê Thánh Tôn, cũng đã làm cho nước phú cường, dân vui sống, và được hậu thế ca tụng là minh quân rồi.

Trên hai ngàn năm nay, loài người càng tiến thì càng sa vào cái hồ vật chất; đạo Nho thời Xuân Thu, Chiến Quốc đã khó thực hành được, thì bây giờ lại càng khó thực hành hơn nữa. Nhưng có vậy nó mới là một lý tưởng, mà chúng ta ngày nay, và con cháu chúng ta sau này, mỗi lần đọc tứ thư, ngũ kinh mới có cái cảm tưởng nhẹ nhàng như tắm trên một giòng suối trong. Nếu đọc mà chịu suy nghĩ, so sánh thì ta vẫn còn thấy ở trong những tác phẩm bất hủ của nhân loại ấy chứa nhiều chân lý chưa hề lung lay.

Hiện nay người ta chẳng rán thực hành hai thuyết “phú chi, giáo chi” và “bất hoạn quả nhi hoạn bất quân” đó ư?

-

[1] Để tiện tham khảo, trong eBook này tôi chép phần chữ Hán và phần phiên âm (nếu có – bản nguồn thiếu một số trang) vào phần chú thích. (Goldfish).

[2] Sau vì mất mát đi nhiều, kinh Nhạc chỉ còn là một thiên phụ vào kinh Lễ, thành thử còn lại năm kinh: Dịch, Thư, Thi, Lễ, Xuân Thu.

[3] Những mẫu tự a, b, c, ... này chỉ phần chữ Hán và phần phiên âm ở cuối sách. [Như trên tôi đã nói, trong eBook này tôi chép vào phần chú thích (Goldfish)]:

洵而不作
Thuật nhi bất tác.

[4] Tên trước chỉ sách, tên sau chỉ chương hoặc thiên. - Ở sau cũng vậy.

[5] Chinese thought, from Confucius to Mao Tse-tung – The University of Chicago Press, 1953.

[6] Chẳng hạn Trần Trọng Kim, trong 140 trang bàn về đạo Khổng – chỉ đề ra 15 trang cuối xét tư tưởng chính trị, sau khi đã phân tích tỉ mỉ quan niệm quân tử và tiểu nhân, sự học vấn và cách thao thủ của người quân tử, sự giáo hoá của Khổng giáo. Coi trong NHO GIÁO quyền thượng của Tân Việt xuất bản, in lần thứ ba.

[7] *Thao thủ*: theo Thiệu Chử thì “thao trì **操持**, thao thủ **操守** đều nghĩa là giữ gìn đức hạnh cả”. (Goldfish).

[8] **皇矣上帝, 臨下有赫, 監觀四方, 求民之瘼**
Hoàng hĩ Thượng Đế, lâm hạ hữu hách, giám quan tứ phương, cầu dân chi mạt.

[9] **孝者所以事君也**
Hiếu giả sở dĩ sự quân dã. [dã: trong sách in là “giả”, tôi đã sửa lại - ở sau cũng vậy. (Goldfish)].

[10] **人道政爲大**
Nhân đạo chính vi đại.

[11] **古之欲明明德於天下者, 先治其国; 欲治其国者, 先齐其家; 欲齐其家者, 先修其身**
Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc; dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia; dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân.

[12] **易之爲書也不可遠, 爲道也屢遷, 變動不拘, 周流六虛**
Dịch chi vi thư dã bất khả viễn, vi đạo dã lữ thiên, biến động bất cư, chu lưu lục hư.

[13] Về sau, trong cuốn *Khổng Tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê chỉ dùng bộ *Luận ngữ* để tìm hiểu về đời sống và tư tưởng của Khổng Tử vì cụ cho rằng các sách khác không đáng tin. Trong bộ *Kinh Dịch – đạo của người quân tử*, cụ bảo *Hệ từ thượng* và *hạ* không phải của Khổng Tử; và cụ nói thêm: “...ta chỉ có thể nói rằng Khổng Tử đã nghiên cứu *Kinh Dịch*, nhưng về già chỉ giảng cho một số rất ít môn sinh, và *Thập Dục* do một phái *Dịch học* đời *Chiến Quốc* – gồm cả Khổng gia lẫn Lão gia, viết kể trước người sau, do đó mà hoàn thành rất trễ, có thể là cuối thời *Chiến Quốc* đầu đời Hán không thể nào ngay sau đời Khổng Tử được”. (Goldfish).

[14] **一闔一闢謂之變, 往來不窮謂之通**
Nhất hạp nhất tịch vị chi biến, vãng lai bất cùng vị chi thông.

[15] **天子祭天地, 祭四方, 祭山川, 祭五祀, ..., 諸侯...祭山川, 祭五祀; 大夫祭五祀; 士祭其先**
Thiên tử tế thiên địa, tế tứ phương, tế sơn xuyên, tế ngũ tự,..., chư hầu... tế sơn xuyên, tế ngũ tự; đại phu tế ngũ tự; sĩ tế kỳ tiên.

[16] Trước đời Tần Thủy Hoàng, mọi người đều có thể tự xưng là *trẫm* (ta đây). (Goldfish).

[17] **未能事人, 焉能事鬼**
Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ.

[18] **事死如事生, 事亡如事存, 孝之至也**

Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiểu chi chí đã.

[19] 三后在天

Tam hậu tại thiên.

[20] 文王陟降在帝左右。

Văn Vương trắc giáng tại Đế tả hữu.

[21] 知死而死之, 不仁而不可爲也; 知死而生之, 不知而不可爲也

Tri tử nhi tử chi, bất nhân nhi bất khả vi dã; tri tử nhi sanh chi, bất tri nhi bất khả vi dã.

[Trong bộ *Đại cương triết học Trung Quốc*, hai cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê sửa lại như sau: “**之死而致死之, 不仁, 而不可爲**

也; 知死而致生之, 不知而不可爲也 Chi tử nhi tri tử chi, bất nhân, nhi bất khả vi dã; chi tử như trí sinh chi, bất trí, nhi bất khả vi dã -

Cho người chết là mất hẳn, không biết gì nữa, là bất nhân, không nên theo; cho người chết là còn biết như lúc hãy còn sống, là

bất tri, không nên theo”. (Goldfish)].

[22] “*Khâu chi đảo cửu hỷ*”. Lâm Ngữ Đường dịch là: “Ta cầu nguyện đã được một lúc lâu rồi”. [Sau này, trong cuốn *Luận ngữ*,

cụ Nguyễn Hiến Lê dịch và giảng là: “*Ta cầu nguyện đã lâu rồi*” - “*Ý nói ăn ở phải đạo thì chẳng cần cầu đảo*”. (Goldfish)].

[23] 丘之禱久矣

Khâu chi đảo cửu hỷ.

[24] 獲罪於天, 無所禱也

Hoạch tội ư thiên, vô sở đảo dã.

[25] *Nho giáo*, sách đã dẫn.

[26] 天視自我民視, 天聽自我民聽

Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính.

[27] 天聰明自我民聰明

Thiên thông minh tự ngã dân thông minh.

[28] 民之所欲, 天必從之

Dân chi sở dục, thiên tất tòng chi.

[29] 天工人代之

Thiên công nhân đại chi.

[30] 天佑下民作之君, 作之師, 惟其克相上帝, 寵綏四方

Thiên hựu hạ dân tác chi quân, tác chi sư, duy kỳ khắc tướng Thượng Đế, sủng tuy tứ phương.

[31] 天不言, 以行與事示之而已矣

Thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hỷ.

[32] 唐虞禪, 夏后殷周繼, 其義一也

Đường Ngu thiên, Hạ Hậu Ân Chu kế, kỳ nghĩa nhất dã.

[33] 聞誅一夫紂矣, 未聞弑君也

Văn tru nhất phu Trụ hỷ, vị văn thí quân dã. [hỷ: sách in lầm thành “giã”. (Goldfish)].

[34] 韶盡美矣, 又盡善也; 武盡美矣, 未盡善也

Thiếu tận mỹ hỷ, hựu tận thiện dã; Vũ tận mỹ hỷ, vị tận thiện dã.

[35] 邦之不藏惟予一人有佚罰

Bang chi bất tàng duy dư nhất nhân hữu dật phạt.

[36] 其爾萬方有罪, 在予一人; 予一人有罪, 無以爾萬方

Kỳ nhĩ vạn phương hữu tội, tại dư nhất nhân; dư nhất nhân hữu tội, vô dĩ nhĩ vạn phương.

[37] 邦之藏, 惟汝衆

Bang chi tàng, duy nhữ chúng.

[38] Sách in là “điều lành”, tôi tạm sửa lại thành “điềm lành”. (Goldfish).

[39] Coi đoạn nghị luận về đoạn đó của Tuần Tử trong *Đại cương văn học sử Trung Quốc* cuốn I – trang 55-57 của soạn giả - Nhà

xuất bản Nguyễn Hiến Lê.

[40] 誅暴國之君若誅獨夫

Tru bạo quốc chi quân nhược tru độc phu.

[41] 爲人君止於仁

Vi nhân quân chi ư nhân.

[42] 堯舜帥天下以仁, 而民從之

Nghiêu, Thuấn soái thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tòng chi.

[43] 三代之得天下也以仁, 失天下也以不仁

Tam đại chi đắc thiên hạ dã dĩ nhân, thất thiên hạ dã dĩ bất nhân.

[44] Cui chữ Hán ở cuối sách – Chương VII.

[45] Nghĩa cũng gần như câu “Phú quý sinh lễ nghĩa” của ta.

[46] Có lẽ là “giăng lưới để lừa dân”. Về sau, trong cuốn *Mạnh Tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: “đặt lưới bẫy dân”. (Goldfish).

[47] “Cầu tử chi bất dục, tuy thưởng chi bất thiết”. Câu này Lâm Ngữ Đường hiểu là: “*Nếu chính ông không thích tiền thì cho tiền kẻ ăn trộm, chúng cũng không lấy*”, đại ý cũng vậy.

[48] Số người được đề cử tùy theo dân số mỗi miền nhiều hay ít. Những người được đề cử chia làm ba hạng: hạng hiền lương có tài và có đức, hạng hiểu liêm có đức, hạng bác sĩ có học. Từ đời Lục Triều trở đi, phương pháp đề cử có lẽ không đủ cung cấp số quan lại cho triều đình, nên mới dùng thi cử để lựa người và lần lần phép đề cử bị bãi.

[49] Tặc nghĩa là làm hại vua.

[50] Tức kinh *Lễ*.

[51] *Kinh Lễ* hay *Lễ ký* do Lưu Hưởng, người đời Hán, thu thập gồm 130 thiên, Đái Đức, cũng người đời Hán, tổng hợp và giản hoá còn 85 thiên gọi *Đại Đái Lễ ký*, sau đó cháu của Đái Đức là Đái Thanh đơn giản hoá một lần nữa còn 46 thiên và thêm vào 3 thiên (Nguyệt lệnh, Minh Đường, Nhạc ký), tổng cộng 49 thiên được gọi là *Tiểu Đái Lễ ký*. Đến đời Tuỳ, Đường, bản *Đại Đái Lễ ký* bị thất lạc nhiều, chỉ còn 39 thiên, do đó mà *Tiểu Đái Lễ ký* là bản Kinh Lễ thông dụng hiện nay. (Goldfish).

[52] Môn đệ lại hỏi thêm:

- Thế vua Thuấn phải làm sao?

Mạnh Tử dùng một giải pháp dung hoà để giải sự mâu thuẫn đó giữa quốc gia và gia đình, và đáp rằng vua Thuấn phải bỏ ngôi cao, vào ngục công cha đi trốn ở nơi nào đó cho trọn đạo làm con. Độc giả tất có thể cho rằng giải pháp đó chưa được ổn, vì như vậy quốc dân mất một minh quân là vua Thuấn. Vâng, nhưng nếu quốc dân muốn giữ vua lại thì xin với ông Cao Dao để tha cho Cổ Tẩu; lúc đó vua Thuấn có thể trở về ngôi được mà quyền hành chánh, quyền tư pháp vẫn được nguyên vẹn.

[53] Về điểm này, tư tưởng của Tử Sản khoáng đạt hơn, tựa như các triết gia Hi Lạp thời xưa. Tử Sản lập những hương hiệu để người trong nước được tới nghị luận chính sự. Có người khuyên ông đóng cửa, ông đáp: “Sao lại đóng? Người ta tới xét chính trị có thiện không, thiện thì làm, bất thiện thì ta sửa, như vậy dân là thầy của ta; huỷ học hiệu đi làm gì?”

[54] Nguyên văn: 子罕言利, 與命, 與仁. Trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch nghĩa là: “*Khổng tử ít nói tới lợi, với mệnh và đạo nhân*”. (Goldfish).

[55] Sách in “nhân”, tôi tạm sửa lại thành “nhân nghĩa”. (Goldfish).

[56] Tôi rất tiếc không nhớ tên học giả Nhật đó. Trước đại chiến vừa rồi, tôi được đọc một cuốn do ông soạn về Nho giáo và do một người Trung Hoa dịch. Vì là sách mượn, tôi ghi lại những ý chính trong sách; sau cơn loạn lạc, những miếng giấy ghi những ý đó cũng không còn giữ được toàn vẹn, thành thử tới tên sách cũng không nhớ đích xác, nay tra lại không ra. Ngoài đoạn văn tôi trích ra đó, tôi nhớ đại cương lập luận của ông và chính nhờ tư tưởng của ông mà tôi tìm hiểu đạo Nho và soạn cuốn này.

[57] Xuyên Du: chữ Hán là 顓臾, trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê phiên âm là “Chuyên Du”. (Goldfish).

[58] Lời dịch của Nguyễn Hiến Lê trong cuốn *Luận ngữ* rõ nghĩa hơn: “*Nước Chuyên Du đó thành quách kiên cố mà lại gần ấp Phí (của họ Quý). Nay họ Quý không chiếm lấy thì sẽ thành mối lo cho con cháu đời sau*”. (Goldfish).

[59] Trong cuốn *Mạnh Tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê viết rõ hơn: “Dùng sức mạnh mà thu phục người thì người ta (phải theo mình nhưng) không tâm phục mình, sức mạnh không đủ (để cho người ta tâm phục)” và cụ chú thích thêm: “*Nguyên văn là “lực bất thiêm dã”. Có sách giải nghĩa rằng “tại người ta không đủ sức đương cự với mình nên phải miễn cưỡng theo mình*”. (Goldfish).

[60] Ý nói vua Trung Hoa lúc đó không đáng gọi là vua. (Goldfish).

[61] Chữ NHÂN [人] này nghĩa là NGƯỜI. Trọng tư cách của người cầm quyền, hơn là chế độ, đó là thuyết nhân trị. [Chữ 人 trong đầu ngoặc đứng là do tôi ghi thêm. (Goldfish)].

[62] Trong cuốn *Tuân Tử*, 2 cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch như sau: “*Đức tuy chưa tới mức cao nhất, điều nghĩa tuy chưa thi hành rộng khắp, song mọi sắp xếp trong nước đã tạm chỉnh đốn*”. (Goldfish).

[63] Trần Trọng Kim dịch – *Nho giáo*. Sách đã dẫn.

[64] Trong cuốn *Mạnh Tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo: “*...khách khanh, tức như chức cố vấn ngoại quốc mà không có quyền hành chi cả*”. (Goldfish).

[65] Thực ra tật hiếu sắc của Tề Tuyên Vương còn kém Kiệt, Trụ xa; nhưng chỉ nội một tật thích chiến tranh cũng đủ cho Mạnh Tử không thể giúp ông được.

[66] Trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch là: “*Lương thực cho đủ, binh bị cho đủ, dân tin chính quyền*”. (Goldfish).

[67] Vì nhà vua lấy thức ăn của dân để nuôi heo, ngựa của mình, đến nỗi dân chết đói.

[68] 有國有家者, 不患寡而患不均, 不患貧而患不安

Hữu quốc hữu gia giả, bất hoạn quả nhi hoạn bất quân, bất hoạn bần nhi hoạn bất an.

[Trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê giảng: “nhà, tức ấp phong của quan đại phu”]. (Goldfish).

[69] Phép *tinh điền* là phép chia ruộng đất theo hình dạng của chữ *tinh* 井, chứ không phải theo nghĩa của chữ *tinh* là cái giếng. (Goldfish).

[70] Trong eBook này tôi đưa lên trên. (Goldfish).

[71] Coi thêm *Lịch sử thế giới I và II* của Nguyễn Hiến Lê và Thiên Giang.

[72] Trong cuốn *Mạnh Tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê chú thích đơn vị *mẫu* như sau: “*Mỗi mẫu theo Wieger bằng 600 mét vuông; nhưng theo tôi, con số đó chỉ là phỏng chừng, còn tùy thời, tùy miền nữa*”. (Goldfish).

[73] 善政不善教之得民也;善政民畏之, 善教民愛之; 善政得民財, 善教得民心

Thiện chính bất như thiện giáo chi đắc dân dã; thiện chính dân úy chi, thiện giáo dân ái chi; thiện chính đắc dân tài, thiện giáo đắc nhân tâm.

[74] 默而識之, 學而不厭, 誨人不倦, 何有於我哉?

Mặc nhi thức chi, học nhi bất yếm, hời nhân bất quyện, hà hữu ư ngã tai?

[75] 我非生而知之者, 好古, 敏以求之者也

Ngã phi sinh nhi tri chi giả, hiếu cổ, mẫn dĩ cầu chi giả dã.

[76] 十室之邑, 必有忠信如丘者焉, 不如丘之好學也

Thập thất chi ấp, tất hữu trung tín như Khâu giả yên, bất như Khâu chi hiếu học dã.

[77] 吾嘗終日不食, 終夜不寢, 以思無益, 不如學也

Ngô thường chung nhật bất thực, chung dạ bất tẩm, dĩ tư vô ích, bất như học dã.

[78] 加我數年, 卒以學易, 可以無大過矣

Gia ngã số niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hỹ.

[Tốt: 卒, trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê chép là *ngũ thập* 五十; và cụ dịch cả câu như sau: “Cho ta sống thêm ít năm nữa, tới năm chục tuổi nghiên cứu Dịch (để biết lẽ tiền thoái) thì có thể không lầm lỗi lớn”. (Goldfish)].

[79] 喜怒哀樂之未發謂之中, 發而皆中節, 謂之和, 致中和. 中者也, 天下之大本也; 和也者, 天下之達道也

Hỉ, nộ, ái, lạc chi vị phát, vị chi trung; phát nhi giai trúng tiết, vị chi hoà. Trung dã giả, thiên hạ chi đại bản dã, hoà dã giả, thiên hạ chi đạt đạo dã.

[80] 好仁不好學, 其蔽也愚; 好知不好學, 其蔽也蕩; 好信不好學, 其蔽也賊; 好直不好學, 其蔽也絞; 好勇不好學, 其蔽也亂; 好剛不好學, 其蔽也狂

Hiếu nhân bất hiếu học, kỳ tế giả ngu; hiếu trí bất hiếu học, kỳ tế giả đãng; hiếu tín bất hiếu học, kỳ tế dã tặc; hiếu trực bất hiếu học, kỳ tế dã giáo; hiếu dũng bất hiếu học, kỳ tế dã loạn; hiếu cương bất hiếu học, kỳ tế dã cuồng.

[81] 古之教者, 家有塾, 黨有庠, 術有序, 國有學

Cổ chi giáo giả, gia hữu thực, đảng hữu tường, thuật hữu tự, quốc hữu học.

[82] La Sagesse de Confucius. Nhà Victor Attinger 1949.

[83] 弟子入則孝, 出則弟, 謹而信, 汎愛眾, 而親仁, 行有餘力, 則以學文

Đệ tử nhập tắc hiếu, xuất tắc đệ, cẩn nhi tín, phiếm ái chúng, nhi thân nhân, hành hữu dư lực, tắc dĩ học văn. [Trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo *học văn* “*tức là học Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch...*”. (Goldfish)].

[84] 志於道, 據於德, 依於仁, 游於藝

Chí ư đạo, cứ ư đức, y ư nhân, du ư nghệ. [Trong cuốn *Luận ngữ*, cụ Nguyễn Hiến Lê dịch *du ư nghệ* là: “*vui vẻ lục nghệ (tức lễ, nhạc, xạ, ngư, thư – viết chữ, số – toán pháp)*”. (Goldfish)].

[85] 詩三百, 一言以蔽之, 曰: 思無邪

Thi tam bách, nhất ngôn dĩ tế chi, viết: Tư vô tà.

[86] 詩可以興, 可以觀, 可以群, 可以怨, 邇之事父, 遠之事君

Thi khả dĩ hưng, khả dĩ quan, khả dĩ quần, khả dĩ oán, nhĩ chi sự phụ, viễn chi sự quân.

[87] 夫易開物, 成務, 冒天下之道, 如斯而已, 是故聖人以通天下之志, 以定天下之業, 以斷天下之疑

Phù dịch khai vật, thành vụ, mạo thiên hạ chi đạo, như tư nhi dĩ, thị cổ thánh nhân dĩ thông thiên hạ chi chí, dĩ định thiên hạ chi nghiệp, dĩ đoán thiên hạ chi nghi. [Câu này trích trong *Hệ từ thượng truyện*, đầu câu còn có 2 chữ: *Từ viết* 子曰. Vì trong *Hệ từ truyện* có nhiều câu bắt đầu bằng 2 chữ “Từ viết”, cho nên trong *Kinh Dịch – Đạo của người quân tử*, cụ Nguyễn Hiến Lê bảo đó là một trong những lý do để tin rằng *Hệ từ truyện* không phải do Khổng Tử trứ tác. (Goldfish)].

[88] 孔子成春秋, 而亂臣賊子懼

Khổng Tử thành Xuân Thu, nhi loạn thần tặc tử cụ.

[89] Thời đó có tục kẻ sĩ chưa làm quan thì đi đâu cũng mang theo lễ vật để yết kiến các nhà cầm quyền.

[90] 古之人未嘗不欲仕也, 又惡不由其道

Cổ chi nhân vị thường bất dục sĩ dã, hựu ố bất do kỳ đạo dã.

[91] 子貢曰: 有美玉於斯, 韞匱而藏諸? 求善賈而沽諸? 子曰: 沽之哉! 沽之哉! 我待賈者也

Từ Công viết: “Hữu mỹ ngọc ư tư, uẩn độc nhi tàng chư? Cầu thiện giá nhi cô chư?” Từ viết: “Cô chi tai! Cô chi tai! Ngã đãi giá giả dã”.

[92] 天下有道, 丘不與易也

Thiên hạ hữu đạo, Khâu bất dữ dịch dã.

[93] 人之生也直

Nhân chi sinh dã trực.

[94] 性相近也, 習相遠也

Tính tương cận dã, tập tương viễn dã.

[95] Về nguyên tắc thì vậy, nhưng trong thực tế thì ông nhận rằng có hai hạng người thượng trí và hạ ngu là tính không thay đổi, hạng trên vì sáng suốt, không bị mê hoặc, hạng dưới vì mê muội, không thấy điều phải, hoặc thấy mà không làm. Về điểm đó, Mạnh Tử lạc quan hơn.

[96] 人性之善也, 猶水之就下也; 人無有不善, 水無有不下. 乃若其情則可以爲善矣, 乃所謂善也.

惻隱之心人皆有 [sách mất trang 130 (Goldfish)].

Nhân tính chi thiện dã, do thủy chi tựu hạ dã, nhân vô hữu bất thiện, thủy vô hữu bất hạ. Nãi nhược kỳ tính tắc khả dĩ vi thiện hỹ, nãi sở dĩ thiện dã.

Trắc ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi; tu ố chi tâm nhân giai hữu chi; chung kính chi tâm [trang 131 bị mất (Goldfish)].

[97] Nguyên văn: 習俗移志. Trong cuốn *Tuân Tử*, 2 cụ Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê dịch là: “*Sự tập nhiễm làm thay đổi cái chí*”. (Goldfish).

[98] *Địa vị của Khổng Tử trong Nho giáo – Thanh Nghị* số 16.

[99] Theo tôi, 5 chữ đó đủ cho đạo Khổng về phương diện bác ái ngang hàng với đạo Da Tô và đạo Phật rồi.

[100] *La sagesse de Confucius* – Nhà xuất bản Victor Attinger.

[101] Câu này chắc bị sai. Xin tạm sửa lại như sau: Lối học chỉ trong cuối câu đó, chắc chắn không phải luôn luôn là lối học của Nho giáo. (Goldfish).

[102] *Nho giáo – Lời phát đoan* – Tân Việt.

[103] Louen Yu, *The Confucian Analects* – của Arthur Waley Londres 1945.

Confucius – của Alexis Rygaloff – P.U.F Paris 1946.

Confucius, the Man and the Myth và Chinese thought from Confucius to Mao Tse Tung – của Herrlee G.Creel – The University of Chicago Press 1953.

Le livre de la voie et de la vertu của J.J.L. Duyvendak. Paris 1953.

Deux sophistes chinoise của Ignac Kou Pao-Koh P.U.F. Paris 1953.

La philosophie morale dans le néo – confucianisme – của Chow Yih Ching P.U.F. Paris 1954

Studies in Chinese thought của Arthur F.Wright – The University of Chicago Press 1953.

Tchou Hi contre le bouddhisme của Galen Eugen Sargent. Imprimerie nationale Paris 1955.

La sagesse de Confucius của Lin Yutang – Victor Attinger. Paris 1947.

Chia sẻ ebook : <http://downloadsachmienphi.com/>

Tham gia cộng đồng chia sẻ sách : Fanpage : <https://www.facebook.com/downloadsachfree>

Cộng đồng Google : <http://bit.ly/downloadsach>